

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

BÁO CÁO

TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG TRUNG TÂM DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP CỦA TỈNH PHÚ YÊN

1. Cơ quan chủ trì: Cục Thống kê Phú Yên
2. Cơ quan quản lý: Viện khoa học Thống kê
3. *Chủ nhiệm:* Nguyễn Thị Xinh

Cục trưởng Cục Thống kê Phú Yên

4. Cán bộ phối hợp nghiên cứu:

Cao Đăng Viễn. Phó trưởng phòng thống kê Công thương
Cục thống kê Phú Yên

Cao Thanh Sơn. Chuyên viên phòng thống kê Công thương
Cục thống kê Phú Yên

CỤC THỐNG KÊ PHÚ YÊN

Năm 2006

6149

30/10/06

LỜI NÓI ĐẦU

Để thực hiện định hướng chiến lược phát triển ngành Thống kê đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đưa luật Thống kê vào cuộc sống góp phần đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ cho công nghiệp hoá và hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh Phú yên, năm 2006 Cục thống kê đề xuất đề tài: "nghiên cứu xây dựng trung tâm dữ liệu doanh nghiệp tại Tỉnh phú yên".

Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu xây dựng một trung tâm dữ liệu doanh nghiệp đảm bảo tính khoa học và tính khả thi góp phần đáp ứng nhu cầu quản lý các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh phú yên.

Đề tài nghiên cứu đã được viện khoa học Thống kê Tổng cục chấp nhận hỗ trợ kinh phí và giúp đỡ về mặt nghiệp vụ. Tuy nhiên, việc xây dựng một trung tâm dữ liệu doanh nghiệp là việc làm khó khăn phức tạp và qua nhiều giai đoạn. Do vậy, trong khuôn khổ đề tài cấp cơ sở do Cục thống kê Phú yên chủ trì trong năm 2006 mới dừng lại ở khâu thiết kế tổng thể "hình hài" trung tâm dữ liệu doanh nghiệp làm căn cứ để tiếp tục thiết kế kỹ thuật và thiết kế thi công trung tâm trong tương lai.

Sau một thời gian triển khai nghiên cứu được sự phối hợp của cán bộ nghiệp vụ Cục thống kê Phú yên và sự giúp đỡ chân tình của Viện nghiên cứu khoa học Thống kê, đề tài đã hoàn thành nội dung nghiên cứu được trình bày trong báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu gồm ba phần chính.

- Phần thứ nhất: Trình bày những vấn đề chung có liên quan đến trung tâm dữ liệu doanh nghiệp như: mục đích, yêu cầu, phạm vi và nhiệm vụ.

- Phần thứ hai: đánh giá thực trạng thông tin doanh nghiệp về các mặt: các cơ sở dữ liệu hiện có trên địa bàn tỉnh Phú yên. Nội dung thông tin doanh nghiệp có trong các cơ sở dữ liệu, cũng như những nhược điểm cần khắc phục trong tương lai.

- Phần thứ ba: đề xuất trung tâm dữ liệu doanh nghiệp ở tỉnh Phú yên. Trong phần này báo cáo trình bày được xác định nội dung thông tin, một số công việc hết

sức quan trọng của trung tâm dữ liệu doanh nghiệp, cũng như các điều kiện vật chất, cán bộ và cơ chế vận hành của trung tâm trong tương lai.

- Phân kết luận và kiến nghị

Đề hoàn thành được đề tài trên, chúng tôi đã nhận được sự hỗ trợ tích cực cả kinh phí và nghiệp vụ của viện khoa học thống kê và sự phối hợp của một số cán bộ nghiệp vụ Cục thống kê Phú yên. Cho phép tôi thay mặt nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn Viện khoa học Thống kê, các đơn vị và cá nhân có tham gia đóng góp ý kiến cho đề tài.

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI CÓ MỘT TRUNG TÂM DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP

Để quản lý tình hình hoạt động các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh nhất thiết phải nắm được thông tin hoạt động các doanh nghiệp. Quản lý nói cho cùng là quá trình nắm bắt thông tin, xử lý thông tin và từ đó đề ra quyết định. Thiếu thông tin thì không thể quản lý được.

Tỉnh Phú Yên có nhiều loại doanh nghiệp khác nhau. Mỗi loại doanh nghiệp tương ứng với một hình thức sở hữu nhất định, do đó tính chất, qui mô và điều kiện hoạt động của mỗi doanh nghiệp cũng có đặc điểm khác nhau.

Mỗi loại hình doanh nghiệp lại hoạt động ở nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau. Nghị định 75-CP ngày 27 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ và Quyết định số 143/TCTK/PPCD ngày 22 tháng 12 năm 1993 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thống kê đã chia toàn bộ hoạt động, kinh tế xã hội thành 20 ngành cấp 1, 60 ngành cấp 2, 159 ngành cấp 3 và 299 ngành cấp 4. Hầu hết các ngành kinh tế đều có các doanh nghiệp hoạt động. Mỗi lĩnh vực hoạt động khác nhau thì nội dung và yêu cầu thông tin đối với công tác quản lý cũng khác nhau. Như nông lâm nghiệp là một loại hoạt động mà trong đó lao động con người gắn với quá trình sinh trưởng của cây trồng và vật nuôi, vì thế khi nói đến nông lâm nghiệp là nói đến đất đai, nói đến cây giống (hạt giống) và con giống v.v. . . Ngược lại nói đến công nghiệp là nói đến nhà máy, xí nghiệp, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu v.v. . . Cũng như nói đến tài chính ngân hàng là nói đến thu và chi, nói đến cho vay và đi vay tiền tệ v.v. . . Mỗi lĩnh vực hoạt động khác nhau thì ngoài những thông tin chung của doanh nghiệp như lao động, vốn, lợi nhuận cũng cần có những tiêu chí,

tiêu thức riêng phản ánh đặc thù của hoạt động, nét khác biệt của từng hoạt động v.v. . .

Yêu cầu thông tin về sở hữu, về lĩnh vực hoạt động ở mỗi cấp quản lý (Trung ương, Tỉnh, huyện . . .) và mỗi ngành chức năng (Kế hoạch, Thống kê, Tài chính, Thuế v.v. . .) cũng khác nhau. Tất cả những điều đó nói lên thông tin doanh nghiệp rất đa dạng, phong phú và rất cần cho công tác quản lý. Các thông tin đó phải đảm bảo cả về lượng và về chất, phải tuân thủ theo những chuẩn mực nhất định, phải được quản lý thống nhất.

Hiện nay tại Tỉnh Phú Yên thông tin về các doanh nghiệp đang bị phân tán ở nhiều cơ quan. Mỗi cơ quan tùy theo khả năng và yêu cầu mà có được những khối lượng thông tin nhất định về hoạt động doanh nghiệp. Các thông tin đó vừa trùng lặp, vừa thiếu, thậm chí còn mâu thuẫn với nhau. Ngay những chỉ tiêu rất cơ bản vẫn không giống nhau. Như về số lượng doanh nghiệp: Sở kế hoạch chỉ biết được số doanh nghiệp do sở cấp phép mới; còn số doanh nghiệp trung ương đóng trên địa bàn thì không biết. Ngay số doanh nghiệp được cấp phép, nhưng không đến công an làm thủ tục, cấp dấu, và ngay cấp dấu rồi nhưng vì lý do gì đó không đi vào hoạt động được cũng không ai nắm. Công an thì chỉ nắm được số đơn vị do mình cấp dấu. Cục thuế thì chỉ nắm được số đơn vị có đăng ký thuế. Còn Cục Thống kê tuy có nắm được số doanh nghiệp thực tế hoạt động, song đó là những đơn vị hạch toán độc lập; số chi nhánh, số đơn vị phụ thuộc qua một năm mới tiến hành điều tra không được cập nhập thường xuyên.

Tất cả những lý do trên đã nói lên sự cần thiết phải có một trung tâm dữ liệu để quản lý thông tin về hoạt động của các doanh nghiệp tại địa bàn Tỉnh Phú Yên

II. MỤC TIÊU CỦA VIỆC XÂY DỰNG TRUNG TÂM DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP

1. Mục tiêu:

Mục tiêu của việc xây dựng trung tâm dữ liệu doanh nghiệp là để:
Phục vụ tốt hơn sự quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh cụ thể là:

- Phục vụ cho việc quản lý, chỉ đạo điều hành của các cấp lãnh đạo (Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, huyện, thành ủy và UBND huyện, thành phố) đối với các doanh nghiệp tại địa bàn Tỉnh.

- Phục vụ cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý chuyên ngành có được những thông tin tốt nhất để theo dõi, phân tích, đánh giá đúng tình hình hoạt động của các doanh nghiệp tại địa bàn nhằm tham mưu cho các cấp lãnh đạo hiểu đúng thực trạng và có những quyết sách chính xác đối với các doanh nghiệp, đảm bảo tính hiệu quả cao.

- Phục vụ nhu cầu thông tin của các doanh nghiệp để hiểu rõ hơn về mình, về bạn, về môi trường và bối cảnh sản xuất, kinh doanh . . . sớm có những quyết định đúng trong hoạt động hiện tại và tương lai.

Từ mục tiêu trên, từng cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý chuyên ngành tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình mà có thêm những mục tiêu cụ thể:

* **Sở kế hoạch, đầu tư:** Cần có những thông tin chung và cụ thể về doanh nghiệp để:

+ Hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh, theo thành phần và theo ngành kinh tế, theo loại hình và qui mô doanh nghiệp.

+ Có các thông tin cần thiết cho việc thẩm định, tham mưu cho UBND Tỉnh về việc thành lập mới, giải thể và thay đổi chức năng các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền.

+ Phối hợp với các ngành hữu quan, xây dựng một qui chế quản lý hữu hiệu các doanh nghiệp sau cấp phép (từ sau khi thành lập đến khi giải thể).

*** Sở Tài chính - Vật Giá:**

Đối tượng quản lý của cơ quan này là vốn và tài sản gồm các chỉ tiêu vốn điều lệ, công nợ, vốn chủ sở hữu, doanh thu, lợi nhuận và thu nộp ngân sách của các doanh nghiệp nhà nước thuộc địa phương quản lý. Mục tiêu chính của các dữ liệu thông tin doanh nghiệp ở đây là phục vụ cho việc quản lý Nhà nước về tài chính, một bộ phận doanh nghiệp có trên địa bàn (doanh nghiệp quốc doanh địa phương).

*** Cục Thuế và các chi cục thuế:** Nhiệm vụ chính là thu thuế các doanh nghiệp trên địa bàn. Vì vậy cơ sở dữ liệu doanh nghiệp ở đây tập trung các thông tin chủ yếu và kết quả hoạt động của tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần, mọi ngành trên địa bàn Tỉnh, phục vụ tốt công tác nghiệp vụ của ngành thuế, chống thất thu, tăng cường thu thuế cho Nhà nước, đề xuất với Nhà nước những vấn đề liên quan đến thuế.

*** Cục Thống kê Tỉnh và các phòng thống kê huyện, thành phố** là hệ thống tổ chức thống kê Nhà nước trực thuộc Tổng cục Thống kê, đặt ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có nhiệm vụ:

- Thu thập, tổng hợp, phân tích và dự báo số liệu thống kê theo chương trình công tác của Tổng cục Thống kê giao và đáp ứng yêu cầu thông tin phục vụ địa phương.

- Biên soạn, xuất bản niên giám thống kê và các ấn phẩm thống kê, quản lý thống nhất việc công bố và cung cấp số liệu thống kê theo qui định của Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh.

- Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các ngành, các cấp, các doanh nghiệp đóng tại địa phương chấp hành chế độ báo cáo và điều tra thống kê theo luật thống kê .v.v. . .

- Lập danh sách các doanh nghiệp có một số chỉ tiêu kèm theo phục vụ cho việc lập dàn chọn mẫu và xây dựng lược đồ điều tra qua các năm.

Hiện nay, Cục Thống kê là nơi có dữ liệu thông tin về hoạt động của các doanh nghiệp đóng tại địa bàn. Các thông tin này được lưu trữ, hệ thống nhiều năm và thường xuyên được cập nhật qua chế độ điều tra và báo cáo thống kê. Nội dung và phương pháp tính toán tương đối đồng nhất và từng bước được chuẩn hóa. Tuy nhiên, chất lượng thông tin vẫn còn nhiều hạn chế. Mục đích chính của cơ sở dữ liệu ở Cục Thống kê là phục vụ cho quản lý Nhà nước các cấp ở Trung ương và địa phương đối với doanh nghiệp; đồng thời phục vụ cho nhiều đối tượng khác có nhu cầu thông tin về doanh nghiệp.

2. Yêu cầu đối với thông tin của trung tâm dữ liệu doanh nghiệp

Đối với thông tin về doanh nghiệp ở trung tâm dữ liệu phải đảm bảo những yêu cầu cơ bản: **Đầy đủ, kịp thời, thống nhất và chính xác.**

- **Đầy đủ về nội dung thông tin:** Thông tin phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý Nhà nước các cấp và tất cả các đối tượng dùng tin khác, mà trước hết là thường trực UBND Tỉnh và các cơ quan tổng hợp hoặc quản lý chuyên ngành. Nội dung thông tin đó được qui định trong kế hoạch thu thập và cung cấp thông tin hàng năm do trung tâm dữ liệu doanh nghiệp xây dựng, có các ngành hữu quan góp ý và được thường trực UBND Tỉnh thông qua.

- **Kịp thời** là phải đảm bảo thời gian tính trong việc thu thập và cung cấp thông tin. Thông tin phải được kịp thời phục vụ cho người dùng tin. Khi thông tin được cung cấp kịp thời thì giá trị sử dụng của thông tin sẽ được tăng lên. Ngược lại khi thông tin đến muộn (không đảm bảo tính thời gian) thì sẽ giảm, thậm chí mất tác dụng. Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp phải có kế hoạch thích hợp để đảm bảo các thông tin được cung cấp đúng lúc người dùng tin yêu cầu.

- **Thống nhất** tức là thông tin phải nhất quán, không mâu thuẫn; được thu thập hợp lý và tính đúng phương pháp. Thông tin doanh nghiệp được hệ thống, lưu trữ theo chuẩn mực thống nhất.

- **Chính xác**: là phải đảm bảo độ tin cậy cần thiết, phản ánh đúng thực tế khách quan, bản chất và xu hướng phát triển của hoạt động doanh nghiệp. Để thông tin được chính xác trước hết phải chú ý đến tính trung thực của số liệu khai báo, làm tốt công tác hạch toán ban đầu và sự nhận thức đúng đắn, thông suốt của người điều hành đơn vị. Đây là vấn đề rất khó. Công tác hạch toán còn nhiều chỗ chưa thống nhất về phương pháp, chưa hợp lý về thực tế. Các chế độ và định mức đề ra chưa chuẩn. Việc kiểm toán gặp nhiều khó khăn và chưa đủ sức. Tính trung thực và hợp lý của số liệu ban đầu là quyết định tính chính xác của thông tin về doanh nghiệp.

Để thông tin doanh nghiệp được đầy đủ, kịp thời, thống nhất và chính xác thì về mặt kỹ thuật trung tâm dữ liệu cũng phải đảm bảo **hiện đại và trang bị** (phần cứng).

Hoạt động của trung tâm dữ liệu doanh nghiệp cần **an toàn** và thông tin được **bảo mật**. Chống được những hỏng hóc về kỹ thuật, sai hỏng về số liệu. Đảm bảo an toàn dữ liệu trên đường truyền, tránh mất cắp thông tin v.v...

Thông tin doanh nghiệp khi có nhiều người sử dụng thì hoạt động của trung tâm trở nên có **hiệu quả**. Hiệu quả hoạt động được đo bằng giảm chi phí đầu vào cho đơn vị thông tin (chi phí điều tra, thu thập, chi phí xử lý tổng hợp và khai thác) và mở rộng diện người dùng tin. Ngoài đối tượng phục vụ là lãnh đạo các cấp, thông tin doanh nghiệp còn phục vụ cho tất cả những ai có nhu cầu dùng tin chính đáng từ người làm công tác nghiên cứu quản lý doanh nghiệp, các nhà kinh doanh và người dân bình thường. Tuy nhiên cần phân biệt: Thông tin tổng hợp và thông tin cá thể. Thông tin tổng hợp cần đa dạng, phong phú phục vụ chung cho nhiều đối tượng dùng tin khác nhau.

Còn thông tin cá thể tùy nội dung mà mức độ phổ biến của các đối tượng dùng tin khác nhau mà cung cấp theo các yêu cầu cụ thể khác nhau. Tuy nhiên khi cung cấp những thông tin riêng phải được sự đồng ý của đối tượng có thông tin, đảm bảo yêu cầu bảo mật thông tin riêng theo luật thống kê và phù hợp với qui chế phổ biến thông tin của UBND tỉnh.

3. Phạm vi của thông tin doanh nghiệp

Khi nói đến phạm vi thông tin là xác định giới hạn của đối tượng thu thập thông tin. Đối tượng thu thập thông tin ở đây là doanh nghiệp. Doanh nghiệp được hiểu theo nghĩa rộng là tất cả các đơn vị (tập thể) có tư cách pháp nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tạo ra giá trị và được luật pháp thừa nhận. Cụ thể gồm mấy loại hình:

- Các doanh nghiệp được lập theo luật doanh nghiệp nhà nước.
- Các đơn vị hoạt động theo luật hợp tác xã: kinh tế tập thể.
- Các doanh nghiệp được thành lập theo luật công ty (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn) và luật doanh nghiệp tư nhân.

Các doanh nghiệp nhà nước, nhưng đã thực hiện cổ phần hóa, hoặc bán cổ phần hóa cũng thuộc đối tượng theo dõi ở đây. Tùy hình thức sở hữu vốn mà đưa vào các hình thức hoạt động thích hợp. Nếu đã cổ phần, nhưng còn một phần vốn nhà nước thì đưa vào nhóm hoạt động theo luật doanh nghiệp nhà nước. Nếu không còn vốn nhà nước, chỉ có vốn cổ phần tư nhân thì đưa vào nhóm công ty cổ phần. Trường hợp bán cho nhiều người thì hoạt động theo luật công ty; bán cho một cá nhân thì có thể là công ty trách nhiệm hữu hạn, hoặc doanh nghiệp tư nhân.

- Các đơn vị được thành lập theo luật đầu tư nước ngoài (100% vốn nước ngoài, liên doanh và hợp tác kinh doanh).

4. Nhiệm vụ của trung tâm dữ liệu doanh nghiệp

Để đạt được những mục đích và yêu cầu đã nêu ở trên, nhiệm vụ chính của trung tâm dữ liệu doanh nghiệp là: **Thu thập, xử lý, lưu trữ, khai thác, cung cấp và cập nhật thông tin các doanh nghiệp tại địa bàn Tỉnh.**

Việc xử lý thông tin doanh nghiệp được thực hiện theo sự phân cấp. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và huyện, thành phố cần xử lý các thông tin ban đầu của doanh nghiệp thuộc phạm vi mình có được để phục vụ yêu cầu quản lý chuyên sâu theo chức năng nhà nước qui định; đồng thời cũng truyền file DBF và kết quả tổng hợp về trung tâm dữ liệu. Trung tâm dữ liệu sẽ có chương trình hòa mạng, sàng lọc và chuẩn hóa, tổng hợp lại theo các qui định chung để có được các thông tin doanh nghiệp đảm bảo được yêu cầu đầy đủ và hệ thống. Sau đó cung cấp cho lãnh đạo các cấp, người dùng tin và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thống nhất sử dụng.

Việc lưu trữ thông tin doanh nghiệp cũng được thực hiện theo qui định. Nói chung các cơ sở dữ liệu chuyên ngành sẽ lưu trữ những thông tin ban đầu có được. Còn **trung tâm là kho dữ liệu chung**, lưu giữ lại những thông tin đã qua xử lý, làm sạch, được chuẩn hóa và các kết quả tổng hợp. Các thông tin này được giữ ở data server, ở CD room nguyên thủy hoặc dưới dạng ấn phẩm. Các thông tin doanh nghiệp đảm bảo được lưu giữ tuyệt đối an toàn và bí mật để phòng cao nhất mọi bất trắc có thể xảy ra.

Việc khai thác gắn liền với việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của người dùng tin. Phải có nhiều chương trình truy xuất các dữ liệu sẵn có đảm bảo thông tin đầu ra đa dạng, phong phú, tiện lợi cho người sử dụng. Thông tin đầu ra càng nhiều, hệ số chênh lệch giữa thông tin thứ cấp và thông tin nguyên sinh càng lớn thì hiệu quả hoạt động của trung tâm càng cao. Trung tâm phải lấy việc đáp ứng nhu cầu của người dùng tin làm nhiệm vụ chính trong hoạt động của mình.

Việc cập nhật thông tin: Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp (Trung tâm và cơ sở chuyên ngành) là cơ sở dữ liệu động, thông tin luôn được cập nhật, bổ sung, đảm bảo nội dung xúc tích, có hệ thống và không lạc hậu về thời gian.

Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp là một cơ sở dữ liệu động nên thường xuyên phải được **cập nhật các thông tin về doanh nghiệp**. Việc cập nhật được thực hiện bằng nhiều cách. Trước hết là nối kết các cơ sở dữ liệu sẵn có của một số sở ngành, trong đó lấy các thông tin của Cục Thống kê là nguồn chính, bổ sung thêm thông tin của các cơ sở dữ liệu khác, giảm bỏ đi sự trùng lặp, tổ chức thu thập thêm thông tin còn thiếu theo yêu cầu phục vụ. Việc tổ chức thu thập thông tin doanh nghiệp được thực hiện chính bằng cách qua các chế độ báo cáo đã được nhà nước (Tổng Cục Thống kê, Bộ Kế hoạch đầu tư, Bộ Tài chính và UBND Tỉnh ban hành), tổ chức các cuộc điều tra thống kê định kỳ hoặc đột xuất để đảm bảo tính hệ thống liên tục và toàn diện của số liệu thông tin.

Để tiện cho việc cập nhật thông tin phù hợp với tổ chức hiện tại của các cơ sở dữ liệu, tạm chia toàn bộ thông tin về doanh nghiệp làm 3 nhóm chính:

- Nhóm thứ nhất: Các thông tin về nhận dạng (hay còn gọi là thông tin lý lịch) doanh nghiệp.
- Nhóm thứ hai: Các thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Nhóm thứ ba: Các thông tin về kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Các thông tin được tổng hợp toàn lãnh thổ và phân tổ theo ngành kinh tế quốc dân, thành phần kinh tế, theo cấp quản lý, theo qui mô, tính chất, hiệu quả.

PHẦN THỨ HAI

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

I. CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU HIỆN CÓ:

- **Sở Kế hoạch và đầu tư:** Có cập nhật và lưu trữ các thông tin về cấp phép thành lập, đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (Công ty cổ phần, Công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân). Một số thông tin các dự án đầu tư nước ngoài. Gọi chung là thông tin về cấp phép thành lập, đăng ký kinh doanh và các thông tin sửa đổi bổ sung trong quá trình hoạt động, giải thể.

- **Cục Thống kê** có các thông tin thống kê về hoạt động của tất cả các loại doanh nghiệp quốc doanh (trung ương và địa phương), ngoài quốc doanh, và các dự án đầu tư có vốn nước ngoài đang hoạt động tại địa bàn Tỉnh được thu thập qua các chế độ báo cáo thống kê định kỳ và các cuộc điều tra theo qui định của Tổng Cục Thống kê.

- **Cục Thuế và Sở Tài chính - Vật giá** có các thông tin về tình hình tài chính doanh nghiệp được thu thập theo chế độ của Bộ Tài chính và Tổng Cục Thuế ban hành.

- **Ở 9 huyện, thành phố:** Phòng Thống kê, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi Cục Thuế đều có tổ chức thu thập và lưu trữ dữ liệu việc cấp phép, đăng ký kinh doanh và thống kê tình hình hoạt động các doanh nghiệp phân cấp cho huyện, thành phố quản lý.

Trong các cơ sở dữ liệu thì ở Cục Thống kê Tỉnh là nơi có nhiều thông tin nhất về doanh nghiệp và là cơ quan pháp lý chính thức cung cấp các thông tin kinh tế xã hội trên địa bàn Tỉnh.

Các cơ sở dữ liệu trên được hình thành theo chức năng và yêu cầu chuyên môn riêng từng ngành, nằm riêng lẻ không liên kết với nhau, thiếu sự điều hành chung. Từ đó dẫn đến:

- Nội dung thông tin về số lượng doanh nghiệp vừa thừa, vừa thiếu, nhất là một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành thì lại ngành nào cũng tính, có nhiều thông tin mâu thuẫn với nhau giữa thống kê với các ngành như chỉ tiêu lao động, doanh thu ..., đối với thống kê được phân tổ cụ thể theo ngành kinh doanh chính và phụ, các ngành tính tổng số chung không phân chia cụ thể nên hạn chế tác dụng phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp tại địa bàn.

- Trang thiết bị kỹ thuật thiếu đồng bộ. Năng lực xử lý, nơi thừa nơi thiếu, nơi mạnh nơi yếu. Các chương trình phần mềm được thiết kế không có sự phối hợp với nhau, nên không tương thích, khó kết nối với nhau.

- Không tiết kiệm được công sức và kinh phí; không phát huy có hiệu quả tốt những trang thiết bị hiện có cũng như đội ngũ những người làm công tác thu thập và xử lý thông tin về doanh nghiệp.

II. NỘI DUNG THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

1.1. Số lượng doanh nghiệp:

Trên địa bàn Tỉnh Phú Yên, số doanh nghiệp qua điều tra thực tế đang hoạt động trong các ngành kinh tế đến 31/12/2004 là 482 doanh nghiệp, so năm 2000 tăng 81 doanh nghiệp (Bình quân hàng năm tăng 6%), trong đó: 37 DN nhà nước, 437 DN ngoài nhà nước, 8 DN có vốn đầu tư nước ngoài

- Số lượng doanh nghiệp tăng chủ yếu ở khu vực ngoài nhà nước, tiếp đến là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

+ Doanh nghiệp nhà nước có 37 DN, giảm bình quân 5,6%/năm (4 năm giảm 10 doanh nghiệp)

+ Doanh nghiệp ngoài quốc doanh có 437 DN, tăng bình quân 7,3%/năm (4 năm tăng 84 doanh nghiệp)

Sau khi các luật về đăng ký kinh doanh được ban hành và sửa đổi như: Luật doanh nghiệp nhà nước, Luật Đầu tư trực tiếp của nước ngoài và đặc biệt là Luật doanh nghiệp có hiệu lực từ năm 2000 đã đi vào cuộc sống, hoạt động trong khu vực này có nhiều thay đổi, môi trường thông thoáng hơn, sản xuất kinh doanh sôi động hơn, Các khu công nghiệp được hình thành thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất. Riêng trong năm 2003 với ngành kinh doanh gia công mua bán vàng không cần phải là doanh nghiệp nên có 141 doanh nghiệp kinh doanh mua bán vàng chuyển đổi sang hoạt động cá thể, Nên nếu loại trừ các doanh nghiệp này thì tăng bình quân 20,3%/năm.

+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có 8DN, tăng bình quân 80,6%/năm (4 năm tăng 7 doanh nghiệp)

Như vậy về mặt số lượng doanh nghiệp tăng chủ yếu ở khu vực ngoài quốc doanh, tiếp đó là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp nhà nước giảm do tổ chức sắp xếp lại và cổ phần hóa chuyển qua khu vực ngoài quốc doanh. Trong các ngành kinh tế, ngành nông nghiệp 8 DN, tăng bình quân 25,4%/năm (4 năm tăng 4 doanh nghiệp). Ngành công nghiệp 102 DN, tăng bình quân 18,8%/năm (4 năm tăng 50 doanh nghiệp). Ngành xây dựng 114 DN, tăng bình quân 17,2%/năm (4 năm tăng 51 doanh nghiệp). Ngành thương nghiệp 175 DN, giảm bình quân 4,2 %/năm (4 năm giảm 80 doanh nghiệp). Ngành khách sạn – nhà hàng 13 DN, tăng bình quân năm 37%/năm (4 năm tăng 9 doanh nghiệp). Ngành vận tải 35 DN, tăng bình quân năm 24,6%/năm (4 năm tăng 20 doanh nghiệp), Các ngành khác 35 DN (4 năm tăng 27 doanh nghiệp)

DVT: doanh nghiệp

	Số doanh nghiệp đang hoạt động đến				
	31/12/2000	31/12/2001	31/12/2002	31/12/2003	31/12/2004
Tổng số	401	454	458	377	482
A. Chia theo khu vực kinh tế					
1. Khu vực DN nhà nước	47	41	37	39	37
+ DN nhà nước Trung ương	13	12	9	9	10
+ DN nhà nước Địa phương	34	29	28	30	27
2. Khu vực DN ngoài nhà nước	353	410	417	331	437
Trong đó :					
+ DN Tập thể	68	46	44	39	42
+ DN Tư nhân	257	303	301	199	268
+ Công ty TNHH tư nhân	27	56	66	85	108
+ Công ty cổ phần	1	5	6	8	18
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1	3	4	7	8
B. Chia theo ngành					
1. Nông, lâm nghiệp, thủy sản	4	3	5	5	8
2. Công nghiệp	52	63	60	81	102
3. Xây dựng	63	93	96	101	114
4. Thương nghiệp – khách sạn – nhà hàng	259	256	255	140	188
5. Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc.	15	20	20	25	35
6. Các ngành dịch vụ khác	8	19	22	25	35

- Về mặt phân bố theo đơn vị hành chính: Doanh nghiệp chủ yếu tập trung ở Thành phố và các huyện có khu công nghiệp: Thành phố Tuy hòa

322 DN, chiếm 66,9%; Huyện Đông hòa 42 DN, chiếm 8,7%; Huyện Tuy an 30 DN, chiếm 6,2%; Huyện Sơn hòa 20 DN, chiếm 4,1%; Huyện Sông cầu 19 DN, chiếm 3,9%; Huyện Phú hòa 15 DN, chiếm 3,1%; Huyện Sông hình 15 DN, chiếm 3,1%; Huyện Tây hòa 11 DN, chiếm 2,3%; Huyện Đông xuân 8 DN, chiếm 1,7%.

1.2. Số lao động:

Tổng số lao động hiện đang làm việc trong các doanh nghiệp trên địa bàn tại thời điểm 31/12/2004 là 28.033 người, tăng bình quân 14,4%/năm kể từ năm 2000 (4 năm tăng 11.466 người)

Trong đó :

- Doanh nghiệp nhà nước là 12.115 người, chiếm 43,2%, tăng bình quân 1,8%/năm (4 năm tăng 452 người).

- Doanh nghiệp ngoài nhà nước là 15.143 người, chiếm 54,0%, tăng bình quân 33,2%/năm (4 năm tăng 10.318 người).

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 775 người, chiếm 2,8%, tăng bình quân 100,2%/năm (4 năm tăng 696 người).

Lao động được sử dụng nhiều nhất là ngành công nghiệp chế biến với 11.519 người, chiếm 41,1% tổng số lao động trong khu vực doanh nghiệp, tăng 93,7% so năm 2000. Tiếp đến là ngành thương nghiệp – khách sạn, nhà hàng 8.492 người, chiếm 30,3%, ngành xây dựng 4.577 người, chiếm 16,3%, ngành công nghiệp khai thác mỏ 1.453 người, chiếm 5,2%, ngành vận tải kho bãi và thông tin liên lạc 585 người, chiếm 2,1%,...

1.3. Vốn:

Tổng nguồn vốn của doanh nghiệp đến thời điểm 31/12/2004 là 3.498,7 tỷ đồng, tăng 38,5% so cùng thời điểm năm 2000; trong đó doanh nghiệp nhà nước 2.022,3 tỷ, chiếm 57,8% tổng vốn doanh nghiệp, giảm 7,7% so năm 2000. Doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 29,7% (1.038,4 tỷ

đồng), gấp 3,1 lần so năm 2000. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 12,5% (437,9 tỷ đồng).

Ngành công nghiệp là ngành chiếm tỷ trọng vốn lớn nhất trong các ngành kinh tế với 1.219,8 tỷ đồng, chiếm 34,9% tổng vốn doanh nghiệp, gấp 1,75 lần so năm 2000. Tiếp đến là ngành thương nghiệp – khách sạn, nhà hàng với 1.132,6 tỷ, chiếm 32,4%, tăng 7% ; ngành xây dựng 482,9 tỷ đồng chiếm 13,8%, giảm 6,1%; ngành nông lâm thủy sản 411,6 tỷ đồng, chiếm 11,8%, giảm 26,7% ; ngành vận tải và kho bãi thông tin liên lạc 74,6 tỷ đồng, chiếm 2,1%, tăng 4,7% so năm 2000.

Qua 4 năm cơ cấu vốn của các thành phần kinh tế và các ngành có sự thay đổi, Tỷ trọng vốn của doanh nghiệp ngoài nhà nước có tốc độ tăng khá, được đầu tư vào các ngành công nghiệp và thương nghiệp, Vốn trong ngành xây dựng giảm do các doanh nghiệp nhà nước trung ương có vốn lớn sắp xếp, chuyển địa điểm kinh doanh đi tỉnh khác.

1.4. Kết quả kinh doanh:

Năm 2004, tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp đạt 4.556 tỷ đồng, tăng 12,5% so năm 2000, trong đó doanh nghiệp nhà nước chiếm 53,2%, giảm 25,5%; doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 40,1%, tăng 52,4%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 6,7%, gấp 3,2 lần so năm 2000.

Doanh thu thuần ngành nông lâm - thủy sản là 25,3 tỷ đồng, chiếm 0,6%, tăng 57,7%; ngành công nghiệp 1.223,5 tỷ đồng, chiếm 27,1%, tăng 76,6%; ngành xây dựng 421,3 tỷ đồng, chiếm 9,2%, tăng 19,2%; ngành thương nghiệp – KSNH 2.681,7 tỷ đồng, chiếm 58,9%, giảm 6,4%; ngành giao thông kho bãi và thông tin liên lạc 105,1 tỷ đồng, chiếm 2,3%, tăng 25,1%; các ngành dịch vụ khác 89,2 tỷ đồng, chiếm 2%, gấp 2,7 lần so năm 2000.

Cơ cấu và mức tăng doanh thu thuần của từng thành phần kinh tế có sự thay đổi, chuyển dịch tăng về thành phần kinh tế ngoài nhà nước và kinh tế

có vốn đầu tư nước ngoài, cũng như tăng doanh thu của các ngành công nghiệp, xây dựng.

Giá trị lợi ích cao hơn của tăng trưởng sản xuất đem lại là: tạo ra khối lượng hàng hóa phong phú, chất lượng cao hơn, tăng việc làm cho lao động nhất là tăng lao động trong ngành công nghiệp, hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô, tăng mức xuất khẩu hàng qua chế biến, thể hiện như : Giá trị hàng địa phương sản xuất tham gia xuất khẩu qua các năm đã tăng đáng kể, năm 2000 kim ngạch hàng địa phương SX xuất khẩu là 16 triệu, chiếm 48,8% tổng kim ngạch xuất, đến năm 2004 là 44,6 triệu USD chiếm 91,6%.

- Hiệu quả sản xuất: Cùng với phát triển tăng về số lượng doanh nghiệp và tăng về doanh thu sản xuất thì hiệu quả kinh tế của khu vực doanh nghiệp cũng tăng qua các năm, nhưng tỷ lệ doanh nghiệp kinh doanh lỗ còn chiếm tỷ trọng cao.

Trong tổng số 482 doanh nghiệp năm 2004, có 392 doanh nghiệp kinh doanh có lãi, chiếm 81,3%, Mức lãi bình quân 298,8 triệu đồng/1 DN ; có 66 doanh nghiệp kinh doanh lỗ, chiếm 13,7%, mức lỗ bình quân 619 triệu đồng/1DN.

Trong đó số doanh nghiệp khu vực nhà nước kinh doanh có lãi chiếm 67,6%, doanh nghiệp ngoài nhà nước kinh doanh có lãi chiếm 82,6%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kinh doanh có lãi chiếm 75%. Lợi nhuận trước thuế bình quân một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt cao nhất, bình quân 4,8 tỷ đồng/doanh nghiệp, doanh nghiệp nhà nước 2,5 tỷ đồng/doanh nghiệp, thấp nhất là doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước bình quân 69,4 triệu đồng/doanh nghiệp.

- Thực hiện nghĩa vụ với nhà nước : Đóng góp của các doanh nghiệp đối với xã hội thể hiện ở chỉ tiêu nộp ngân sách. Năm 2004, mức nộp ngân sách của khu vực doanh nghiệp đạt 261,2 tỷ đồng, trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 80% (bình quân một doanh nghiệp nộp 5,65 tỷ

đồng), doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 15,4% (bình quân một doanh nghiệp nộp 92 triệu đồng) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 4,6%, (bình quân một doanh nghiệp nộp 1,5 tỷ đồng)

Hiện nay thực trạng thông tin doanh nghiệp có 3 nguồn số liệu:

- Cục thống kê điều tra năm 2004 toàn tỉnh có 482 doanh nghiệp
- Sở kế hoạch và đầu tư cấp giấy phép có 687 doanh nghiệp.
- Cục thuế tỉnh tính số lượng doanh nghiệp bao gồm cả các đơn vị chi nhánh hạch toán báo sổ và các đơn vị hành chính sự nghiệp có thu 621 doanh nghiệp.

Như vậy tình hình đặt ra cho công tác quản lý thông tin doanh nghiệp như thế nào. Chúng ta cần phải thống nhất có một dữ liệu quản lý thông tin về doanh nghiệp để công tác quản lý được thuận lợi.

2. Thông tin về doanh nghiệp

Nội dung thông tin về doanh nghiệp hiện có ở các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã nói ở trên rất đa dạng. Tập trung lại có thể chia thành 3 nhóm chính sau đây:

- Các thông tin nhận dạng doanh nghiệp.
- Các thông tin về điều kiện kinh doanh.
- Các thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh.

2.1 Thông tin nhận dạng doanh nghiệp: Đây là những thông tin đầu tiên về doanh nghiệp. Nguồn thông tin xuất phát từ việc cấp phép thành lập và đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp và các phòng Tài chính - kế hoạch huyện, Thành phố.

Sở Kế hoạch đầu tư có các thông tin nhận dạng đối với các dự án đầu tư nước ngoài do Bộ Kế hoạch đầu tư cấp phép và các doanh nghiệp ngoài nhà nước do Sở Kế hoạch đầu tư cấp phép.

Ban quản lý các khu công nghiệp có các thông tin nhận dạng ban đầu với các dự án trong khu công nghiệp. Các dự án đó có thể thuộc vốn nước ngoài (có vốn pháp định dưới một triệu USD), hoặc trong nước.

Phòng Tài chính - kế hoạch huyện, Thành phố có các thông tin nhận dạng đối với thành phần kinh tế tập thể.

Sở Kế hoạch đầu tư và Ban quản lý các khu công nghiệp cũng có các thông tin bổ sung của các dự án nước ngoài và doanh nghiệp ngoài nhà nước khi giải thể, hoặc sát nhập, thay đổi ngành nghề kinh doanh, địa chỉ đặt văn phòng, người điều hành chính (giám đốc) và vốn pháp định đăng ký. Các thông tin này về mặt pháp lý được cập nhật thường xuyên mỗi khi doanh nghiệp có thay đổi; tuy nhiên trong thực tế không phải như vậy vì các doanh nghiệp không báo cáo đầy đủ.

Ngoài các cơ quan trên, Cục Thống kê cũng có các thông tin về nhận dạng doanh nghiệp được cập nhật qua chế độ báo cáo thống kê và các cuộc điều tra định kỳ. Cục Thuế cũng có một số thông tin ban đầu khi cấp mã số thuế.

Nội dung các thông tin nhận dạng ban đầu về doanh nghiệp chủ yếu gồm các chỉ tiêu sau đây:

- Tên doanh nghiệp (tên giao dịch và tên viết tắt).
- Địa chỉ văn phòng chính của doanh nghiệp: số nhà, đường phố, phường xã, huyện, điện thoại, fax, email ...
- Năm thành lập (ngày tháng năm thành lập và cơ quan cấp phép).
- Loại hình tổ chức (DN nhà nước TW, DN nhà nước địa phương, công ty TNHH nhà nước TW và địa phương, công ty cổ phần có vốn nhà nước trên 50%, DN tập thể, DN tư nhân, công ty hợp danh, công ty TNHH tư nhân, công ty cổ phần không có vốn nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước dưới 50%, DN 100% vốn nước ngoài)

- Ngành nghề đăng ký kinh doanh và hoạt động thực tế (chính, phụ).

- Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (tên tuổi, giới tính, dân tộc, quốc tịch, trình độ chuyên môn, số chứng minh nhân dân, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại ...).

Nếu là công ty trách nhiệm có nhiều thành viên, hoặc công ty cổ phần thì có thêm danh sách thành viên, hay cổ đông sáng lập (họ tên, địa chỉ, số vốn góp, số cổ đông ...).

Nếu có chi nhánh, hoặc văn phòng đại diện thì có tên, địa chỉ của chi nhánh và văn phòng đại diện.

- Vốn điều lệ, hoặc vốn pháp định và số vốn mỗi bên góp (phía Việt Nam và phía nước ngoài).

2.2. Thông tin về điều kiện kinh doanh:

Các cơ sở dữ liệu nói ở trên có thông tin về điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, nhưng khác nhau về phạm vi doanh nghiệp và mức độ cập nhật, mức độ chi tiết, chuyên sâu của từng chỉ tiêu tùy theo yêu cầu quản lý của ngành. Các thông tin này tập trung vào mấy chỉ tiêu chính sau đây:

- Số lao động có mặt đến thời điểm 31 tháng 12 chia theo giới tính, ngành nghề hoạt động, trình độ chuyên môn v.v...

- Các thông tin về nguồn vốn và loại vốn: Vốn điều lệ, vốn đăng ký, vốn pháp định, vốn bổ sung, vốn vay ...

- Về tài sản: Có tài sản cố định, tài sản lưu động đầu kỳ và cuối kỳ. Tài sản chia theo hữu hình. Vô hình, thuê tài chính. Ngoài chỉ tiêu giá trị, tài sản còn thể hiện bằng hiện vật ở thời điểm như: Số phương tiện, số máy móc thiết bị, vật kiến trúc, sản phẩm và vật tư tồn kho v.v...

- Các khoản công nợ và liên quan đến công nợ, như các khoản phải thu, phải trả v.v...

2.3. Thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh:

Thu thập thông qua việc thực hiện các chế độ báo cáo thống kê do các doanh nghiệp nhà nước báo cáo định kỳ tháng, quý, năm theo quyết định số 62/2003/BKH của Bộ trưởng Bộ kế hoạch và đầu tư và quyết định số 156/2003/QĐ-TCTK của Tổng cục trưởng Tổng cục thống kê. Đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước ngành thống kê tổ chức điều tra. Tùy theo ngành nghề hoạt động, nội dung các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh phù hợp.

- Doanh nghiệp hoạt động sản xuất công nghiệp có các chỉ tiêu: Tổng doanh thu, doanh thu sản xuất công nghiệp, doanh thu xuất khẩu, giá trị sản xuất, chi phí trung gian (chia theo yếu tố như nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, chi phí dịch vụ), giá trị tăng thêm (chia theo thu nhập của người lao động, thuế sản xuất, khấu hao tài sản cố định, lợi nhuận và các khoản khác), sản phẩm chủ yếu v.v...

- Doanh nghiệp hoạt động xây lắp có các chỉ tiêu: Tổng doanh thu, giá trị xây lắp, chi phí trung gian (chia theo yếu tố như nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, chi phí dịch vụ), giá trị tăng thêm (chia theo thu nhập của người lao động, thuế sản xuất, khấu hao tài sản cố định, lợi nhuận và các khoản khác), hạng mục công trình hoàn thành, năng lực mới tăng.

- Doanh nghiệp hoạt động vận tải, bốc xếp, bưu điện có các chỉ tiêu: sản lượng, doanh thu vận tải bốc xếp (chia theo vận tải hàng hóa, vận tải hành khách và chia theo loại hình vận tải: đường bộ, đường sông, đường biển, đường hàng không ...) giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm, mặt hàng vận tải v.v...

- Doanh nghiệp hoạt động thương mại có các chỉ tiêu: Doanh thu (tổng doanh thu, bán buôn, bán lẻ) kim ngạch xuất nhập khẩu, chi phí kinh doanh, giá trị gia tăng v.v...

- Doanh nghiệp hoạt động du lịch có các chỉ tiêu: doanh thu hoạt động du lịch, số lượng khách do các đơn vị lưu trú phục vụ (khách trong nước, khách quốc tế).

- Doanh nghiệp hoạt động nông lâm thủy sản có các chỉ tiêu: Doanh thu (trồng trọt, chăn nuôi), chi phí kinh doanh v.v...

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (theo Thông tư liên bộ 01) có các chỉ tiêu: giá trị sản xuất, tổng doanh thu, doanh thu xuất khẩu, doanh thu nội địa, sản phẩm chủ yếu, kim ngạch và mặt hàng xuất nhập khẩu trực tiếp ...

Ngoài các chỉ tiêu kết quả còn có một số chỉ tiêu hiệu quả. Các chỉ tiêu về hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được thu thập thông qua chế độ báo cáo tài chính, kế toán và báo cáo thống kê do các doanh nghiệp thực hiện theo chế độ qui định. Về báo cáo tài chính hàng quý các doanh nghiệp phải báo cáo các biểu sau đây:

Mẫu số 01-DN: Bảng cân đối kế toán.

Mẫu số 02-DN: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Mẫu số 03-DN: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Mẫu số 09-DN: Thuyết minh báo cáo tài chính.

Từ các báo cáo trên, chúng ta có thể tính toán hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Tổng lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, lợi nhuận trên đồng vốn, trên một lao động.

- Năng suất lao động. Thu nhập một lao động/tháng.

- Các khoản nộp ngân sách: Thuế doanh thu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế lợi tức v.v...

Các tiêu thức trên được phân tổ theo loại hình doanh nghiệp, ngành kinh doanh ...

2.4. Nhược điểm của thông tin về doanh nghiệp:

Các thông tin hiện có về doanh nghiệp không ít, tuy nhiên vẫn còn một số nhược điểm:

- Các thông tin về doanh nghiệp được tổ chức một cách riêng lẻ, phân tán độc lập với nhau giữa các sở ngành quản lý, mang tính chất phục vụ cho công tác quản lý của từng ngành, chưa có nối kết và tập trung thông tin nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý nhà nước, từ đó dẫn đến tình hình thông tin doanh nghiệp còn chông chéo. Thiếu tính thống nhất. Ví dụ như mảng thông tin về cấp phép, đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch, thông tin thống kê tình hình sản xuất kinh doanh của Cục Thống kê, thông tin tình hình tài chính doanh nghiệp của Cục Thuế ... hiện vẫn còn bị phân tán, chưa có điều kiện nối kết lại với nhau.

- Việc thu thập thông tin doanh nghiệp xuất phát từ yêu cầu quản lý của các ngành và chưa có sự phối hợp đồng bộ, còn chông chéo, thiếu thống nhất nên các ngành thay vì khai thác hệ thống chỉ tiêu báo cáo hiện có của ngành thống kê thì có xu hướng đề ra chế độ báo cáo để thu thập các thông tin, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Chất lượng thông tin còn hạn chế do công tác hạch toán ban đầu yếu kém (nhiều đơn vị không có sổ sách kế toán rõ ràng, vi phạm các qui định của kế toán và thống kê). Số liệu khai báo có khi thiếu trung thực, cố tình giấu sản lượng, giấu doanh thu. Tính toán sai phương pháp và cung cấp thông tin không kịp thời. Tình hình trên nhất là ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước làm cho các thông tin về doanh nghiệp bị lệch lạc, đánh giá thực trạng về hoạt động của doanh nghiệp không đầy đủ, thiếu chính xác, khó cho công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

PHẦN THỨ BA

ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG

TRUNG TÂM DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP

Để xây dựng một trung tâm dữ liệu doanh nghiệp, cần tập trung làm tốt một số việc sau đây:

XÁC ĐỊNH NỘI DUNG THÔNG TIN:

Việc chính của Trung tâm là nối kết các cơ sở dữ liệu chuyên ngành sẵn có lại với nhau, lấy nội dung thông tin về doanh nghiệp của Cục Thống kê và Cục thuế Tỉnh làm nguồn chính, bổ sung thêm thông tin của các cơ sở.

- Khi hệ thống đã hoạt động tương đối ổn định, bước tiếp theo cần thực hiện là rà soát lại nội dung thông tin doanh nghiệp nhằm giảm bớt những thông tin trùng chéo, bổ sung những thông tin còn thiếu, tạo ra một hệ thống thông tin doanh nghiệp hoàn chỉnh.

Nội dung thông tin cần thu thập và xử lý trước hết phải xuất phát từ nhu cầu của người dùng tin.

- Cần có một cuộc điều tra để nắm lại nhu cầu thông tin của từng cơ quan, trước hết là nhu cầu dùng tin của UBND Tỉnh và các cơ quan tổng hợp (Sở Kế hoạch đầu tư, Cục Thống kê, Cục Thuế, Sở Tài chính) và một số sở quản lý doanh nghiệp (Sở Công nghiệp, thương mại và du lịch, Nông nghiệp, Xây dựng, Giao thông, Y tế, Thủy sản ...).

Nội dung thông tin từ doanh nghiệp được tập hợp lại thành một hệ thống chỉ tiêu thống kê được phân tổ thành từng nhóm theo tính chất (chỉ tiêu nhân dạng, chỉ tiêu lao động, vốn tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh ...), theo thời gian thu thập.

Sau đây là những nội dung chính về doanh nghiệp mà Trung tâm dữ liệu cần thiết phải có để quản lý doanh nghiệp:

I. Số lượng doanh nghiệp:

Đây là nội dung thông tin hàng đầu, vì không xác định được số lượng doanh nghiệp, tức là không xác định được phạm vi thu thập, tính toán của các chỉ tiêu khác. Không có được số lượng doanh nghiệp sẽ không xác định được qui mô của từng chỉ tiêu chung và theo từng loại hình doanh nghiệp.

Các loại hình doanh nghiệp thường xuyên biến động về địa chỉ, ngành đăng ký kinh doanh, mới thành lập, tách doanh nghiệp, hợp nhất doanh nghiệp, chuyển đổi loại hình, giải thể doanh nghiệp ... Thời gian qua mới cập nhật được các doanh nghiệp nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài; Còn các loại hình doanh nghiệp khác cập nhật không được đầy đủ, thường xuyên nhất là những diễn biến sau cấp phép. Không có số lượng doanh nghiệp chính xác, thì việc cập nhật thông tin của các chỉ tiêu khác cũng không thực hiện được tốt. Không nắm chắc được số lượng doanh nghiệp hiện có và biến động theo các nguyên nhân, dẫn đến chồng chéo hay bỏ sót đối tượng thu thập thông tin, hạn chế việc thu thập thông tin về kết quả hoạt động doanh nghiệp để phục vụ yêu cầu quản lý và nghiên cứu.

Vì vậy cần thiết phải cập nhật số lượng doanh nghiệp hàng quý, nhằm phản ánh được biến động của doanh nghiệp một cách thường xuyên; phục vụ yêu cầu lập dàn mẫu và tính toán kết quả điều tra chọn mẫu; làm cơ sở cho việc thu thập báo cáo định kỳ và tổng điều tra, đồng thời cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho các cấp.

Đối tượng cập nhật doanh nghiệp chia làm 2 nhóm:

1. Nhóm thứ nhất: Là các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân đầy đủ (hạch toán độc lập) được thành lập theo pháp luật của Nhà nước. Cụ thể:

+ Doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo luật doanh nghiệp nhà nước được tổ chức dưới hình thức doanh nghiệp độc lập.

+ Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoạt động theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân được thành lập và hoạt động theo qui định của Luật công ty, luật doanh nghiệp tư nhân

+ Các đơn vị được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Trong đó doanh nghiệp có cổ phần nhà nước chi phối thì coi là doanh nghiệp nhà nước. Nếu không có vốn nhà nước, chỉ có vốn cổ phần tư nhân thì đưa vào nhóm công ty cổ phần ngoài nhà nước. Nếu bán cho nhiều người thì coi là Công ty trách nhiệm hữu hạn ngoài nhà nước

+ Hợp tác xã được thành lập và đăng ký kinh doanh theo Luật hợp tác xã.

2. Nhóm thứ hai: Là các đơn vị chưa đủ điều kiện hạch toán độc lập, có thể là chi nhánh, phân xưởng, cửa hàng, hay là văn phòng đại diện trong thực tế có hoạt động kinh tế. Các đơn vị này thường là một bộ phận của một doanh nghiệp hạch toán độc lập của tỉnh bạn, địa phương bạn đang hoạt động tại địa bàn tỉnh. Nếu là đơn vị phụ thuộc của một doanh nghiệp (mẹ) đóng tại tỉnh thì đã tính vào đơn vị chính.

Để thống kê được số lượng từng loại doanh nghiệp chúng tôi đề nghị các cơ quan chức năng cần nghiên cứu xây dựng lại mã số doanh nghiệp, vì hệ thống mã doanh nghiệp hiện nay của ngành kế hoạch và ngành thuế đều có một số nhược điểm: Không thống nhất, mỗi ngành có cách qui định riêng, mã riêng và không tuân theo sự qui định chung của nhà nước (Mã đơn vị hành chính và mã loại hình).

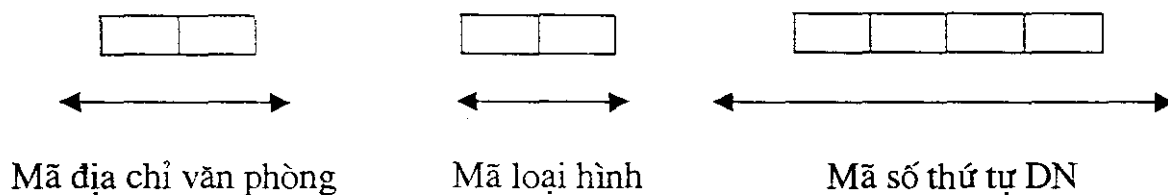
Để thiết lập mã doanh nghiệp cần tuân thủ mấy nguyên tắc:

- Mỗi doanh nghiệp chỉ mang một mã số duy nhất trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, kể cả trường hợp đổi tên, thay đổi ngành nghề kinh doanh.

- Mã đã sử dụng chỉ được cấp một lần, không dùng lại cho doanh nghiệp khác, nếu doanh nghiệp có quyết định giải thể, hoặc chấm dứt hoạt động thì mã số đó sẽ bỏ trống. Nếu sau khi giải thể mà đơn vị có quyết định thành lập lại sẽ mang mã số khác. Hiện tượng cổ phần hóa coi như giải thể đơn vị cũ thành lập đơn vị mới.

- Mã doanh nghiệp cần phản ánh được nơi đặt văn phòng chính của doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp (để biết doanh nghiệp đó hoạt động theo luật nào của nhà nước), và số thứ tự của doanh nghiệp, doanh nghiệp đó hạch toán độc lập hay chỉ là chi nhánh, văn phòng đại diện...

Để phản ánh được các nguyên tắc trên, mã số doanh nghiệp gồm 8 chữ số và bố trí như sau:



Mã địa chỉ văn phòng: Gồm 2 chữ số, chỉ tỉnh nơi văn phòng chính của đơn vị đặt trụ sở. Mã tỉnh ghi theo quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 8 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng chính phủ .

Mã loại hình doanh nghiệp: Mã loại hình doanh nghiệp có 2 chữ số từ 01 đến 14. Trong đó:

- Doanh nghiệp nhà nước trung ương : 01
- DN nhà nước địa phương : 02
- Công ty TNHH nhà nước trung ương :03
- Công ty TNHH nhà nước địa phương : 04
- Công ty cổ phần có vốn nhà nước trên 50% :05
- DN tập thể (Hợp tác xã): 06
- Dn tư nhân : 07

- Công ty hợp danh :08
- Công ty TNHH tư nhân : 09
- Công ty cổ phần không có vốn nhà nước :10
- Công ty cổ phần có vốn nhà nước $\leq 50\%$:11
- DN 100% vốn nước ngoài : 12
- DN nhà nước liên doanh với nước ngoài : 13
- DN khác liên doanh với nước ngoài :14

Mã số thứ tự doanh nghiệp:

Mã số thứ tự doanh nghiệp được đánh từ 0.001 đến tối đa 9.999. Đây là số thứ tự xếp theo thời gian thành lập doanh nghiệp trong mỗi nhóm loại hình tổ chức kinh doanh và nơi văn phòng chính của doanh nghiệp trú đóng theo qui định ở trên.

+ Nếu thêm mã ngành nghề kinh doanh đến cấp 4 có 4 chữ số của hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân ban hành theo Nghị định số 75/CP ngày 27 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ và Quyết định số 143/TCTK/PPCĐ ngày 22 tháng 12 năm 1993 của Tổng cục trưởng Tổng Cục Thống kê thì mã doanh nghiệp sẽ có tất cả 12 chữ số. Mã ngành nghề kinh doanh để sau mã địa chỉ văn phòng và loại hình doanh nghiệp.

II. Nội dung thông tin về doanh nghiệp:

Nội dung thông tin về doanh nghiệp cần thu thập và xử lý phải xuất phát từ nhu cầu của người dùng tin, mà trước hết là các cơ quan lãnh đạo ở địa phương (Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh), các cơ quan tổng hợp (Sở Kế hoạch đầu tư, Cục Thống kê, Sở Tài chính, Cục thuế, ...) và một số sở ngành quản lý doanh nghiệp (Sở Công nghiệp, sở thương mại và du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Giao thông, Sở Y tế v.v...).

Nội dung thông tin về doanh nghiệp đã trình bày khá kỹ ở phần thực trạng nội dung thông tin về doanh nghiệp

Nội dung đó về cơ bản là phong phú, khá đủ và toàn diện. Vấn đề đặt ra chính không phải là đề xuất thêm chỉ tiêu, mà cần khắc phục mấy tồn tại lớn:

+ Chất lượng thông tin còn kém về độ tin cậy, tính kịp thời và chưa thống nhất (hiểu về nội dung và phương pháp). các cơ quan thu thập thông tin thiếu phối hợp, nên có một số khá lớn chỉ tiêu nội dung giống nhau, nhưng do cách thu thập và tính toán khác nhau dẫn đến kết quả khác nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau.

+ Chỉ tiêu số lượng thì nhiều, nhưng chỉ tiêu sâu về chất lượng còn ít, đặc biệt là các chỉ tiêu phản ánh trình độ công nghệ, năng lực tay nghề của người lao động, hiệu quả kinh doanh v.v...

III. Vấn đề thu thập (cập nhật) thông tin:

Nguồn thông tin, hình thức thu thập và chu kỳ thu thập thông tin chủ yếu vẫn dựa vào các chế độ hiện hành của các cơ quan chức năng Nhà nước. Cụ thể như sau:

1. Sở Kế hoạch đầu tư: cập nhật giấy cấp phép của 3 loại hình đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (hợp tác xã, công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân) và các doanh nghiệp quốc doanh do địa phương quản lý. Đồng thời cập nhật luôn tình trạng thay đổi địa chỉ, bổ sung vốn pháp định, điều lệ v.v...

Các khối doanh nghiệp khác cũng chỉ có được thông tin lần đầu khi cấp phép, các thông tin bổ sung sau đó rất rời rạc, phần đông là không thông báo cho cơ quan cấp phép khi có thay đổi về vốn điều lệ, địa chỉ, người điều hành ... Việc cập nhật thông tin hầu như không thực hiện được.

2. Cục thuế và các chi cục thuế: Thu thập từ tờ khai đăng ký thuế và các danh bạ doanh nghiệp, tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách của các doanh nghiệp.

3. Sở Tài chính - Vật Giá: Thu thập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn.

4. Thông tin ở các ngân hàng: Có một số thông tin cơ bản, mà chủ yếu là các thông tin liên quan đến việc sử dụng vốn vay của ngân hàng, giúp cho Ngân hàng theo dõi độ an toàn của vốn vay và khả năng hoàn vốn của các doanh nghiệp có quan hệ với ngân hàng. Các thông tin có được khi doanh nghiệp có quan hệ với ngân hàng, làm thủ tục vay vốn từ ngân hàng. Vì vậy số chỉ tiêu thu thập được về doanh nghiệp không nhiều và phạm vi chỉ trong các doanh nghiệp có vay vốn.

5. Cục Thống kê Tỉnh: Các thông tin về kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Nó bao gồm cả 2 phần: Điều kiện hoạt động và kết quả sản xuất. Điều kiện hoạt động bao gồm: lao động, vốn tài sản, máy móc thiết bị... Kết quả sản xuất gồm các chỉ tiêu về giá trị sản xuất, doanh thu, kim ngạch xuất nhập khẩu v.v...

Các thông tin về kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tập trung ở ngành thống kê. Ngoài ra ngành thống kê còn có cả các thông tin về nhận dạng và tình hình tài chính của doanh nghiệp. Thông tin về doanh nghiệp ở Cục Thống kê Tỉnh và các phòng Thống kê huyện, thành phố có được bằng hai hình thức thu thập: Báo cáo thống kê và điều tra thống kê.

5.1. Báo cáo thống kê: Báo cáo thống kê áp dụng để thu thập thông tin thường kỳ của các doanh nghiệp nhà nước theo quyết định 62/2003/BKH của Bộ trưởng bộ kế hoạch và đầu tư và quyết định số 156/2003/QĐ-TCTK của Tổng cục trưởng tổng cục thống kê; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (áp dụng theo mẫu riêng).

Chế độ báo cáo của các doanh nghiệp nhà nước chia theo ngành hoạt động, mỗi ngành hoạt động có một chế độ báo cáo riêng:

+ Báo cáo Tháng, quý :

Hoạt động công nghiệp: 01a/CS về báo cáo hoạt động sản xuất công nghiệp gồm: Giá trị sản xuất công nghiệp, doanh thu và sản phẩm chủ yếu, mỗi tháng báo cáo một lần vào ngày 12.

*** Hoạt động xây dựng:** (Tư vấn khảo sát, thiết kế, xây lắp nhận thầu)

01c/CS: báo cáo hoạt động xây dựng, khảo sát, thiết kế, qui hoạch xây dựng, mỗi tháng báo cáo một lần vào ngày 12.

*** Về vận tải và bưu điện:**

01g/cs : Báo cáo hoạt động vận tải, bốc xếp, dịch vụ đại lý vận tải gồm doanh thu thuần, thuế tiêu thụ phát sinh, sản lượng vận tải hành khách, hàng hóa và bốc xếp, mỗi tháng báo cáo một lần vào ngày 12.

*** Hoạt động thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ:**

01 d/CS: Báo cáo hoạt động thương nghiệp, khách sạn nhà hàng du lịch và dịch vụ, mỗi tháng báo cáo một lần vào ngày 12.

01 e/CS và 01f/CS Báo cáo hoạt động xuất khẩu hàng hóa và hoạt động nhập khẩu hàng hóa, mỗi tháng báo cáo một lần vào ngày 12.

*** Hoạt động xổ số kiến thiết :**

01k/CS Báo cáo hoạt động xổ số kiến thiết, bao gồm : doanh thu thuần, chi phí trả thưởng, thuế VAT phát sinh phải nộp.

+Báo cáo 6 tháng và năm:

- 02/CS báo cáo 6 tháng về lao động và thu nhập của người lao động trong tất cả các doanh nghiệp nhà nước, báo cáo vào ngày 20/7.

- 03a/CS Báo cáo năm hoạt động sản xuất kinh doanh trong tất cả các doanh nghiệp nhà nước, báo cáo vào ngày 28/2 năm sau

- 03b/CS Báo cáo năm diện tích, năng suất sản lượng cây lâu năm đối với doanh nghiệp có hoạt động trồng cây lâu năm, vào ngày 25/1 năm sau.

- 03c/CS Báo cáo năm số lượng và sản phẩm gia súc gia cầm chăn nuôi đối với doanh nghiệp có hoạt động chăn nuôi, vào ngày 20/8.

- 03d/CS Báo cáo năm hoạt động xuất khẩu hàng hóa đối với doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu hàng hóa, ngày 28/2 năm sau.

- 03e/CS Báo cáo năm hoạt động nhập khẩu hàng hóa đối với doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu hàng hóa, ngày 28/2 năm sau.

5.2. Điều tra Thống kê: Đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước, số liệu thu thập qua điều tra.

Ở góc độ thời gian thực hiện: Điều tra chia làm hai loại điều tra thường xuyên hoặc theo định kỳ, để có được những thông tin cùng cập nhật với các thông tin của các doanh nghiệp thu được qua báo cáo ra thông tin toàn ngành, hay toàn lãnh thổ. Các thông tin nhanh hàng tháng, quý, 6 tháng và năm mà Cục Thống kê tỉnh có được về doanh nghiệp để cung cấp cho các cấp lãnh đạo, hầu hết là dùng hình thức tổng hợp theo kiểu vừa thu thập theo báo cáo đối với các doanh nghiệp nhà nước vừa thu thập qua điều tra đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Ở góc độ phạm vi thu thập thông tin: Đối với doanh nghiệp hạch toán độc lập hàng năm tiến hành lập danh sách và điều tra các doanh nghiệp thực tế có hoạt động gồm đầy đủ các chỉ tiêu về lý lịch doanh nghiệp và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm trước của doanh nghiệp. Đối với các đơn vị chi nhánh được phản ánh đầy đủ qua 5 năm một lần như: Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2002 và sắp tới là Tổng điều tra

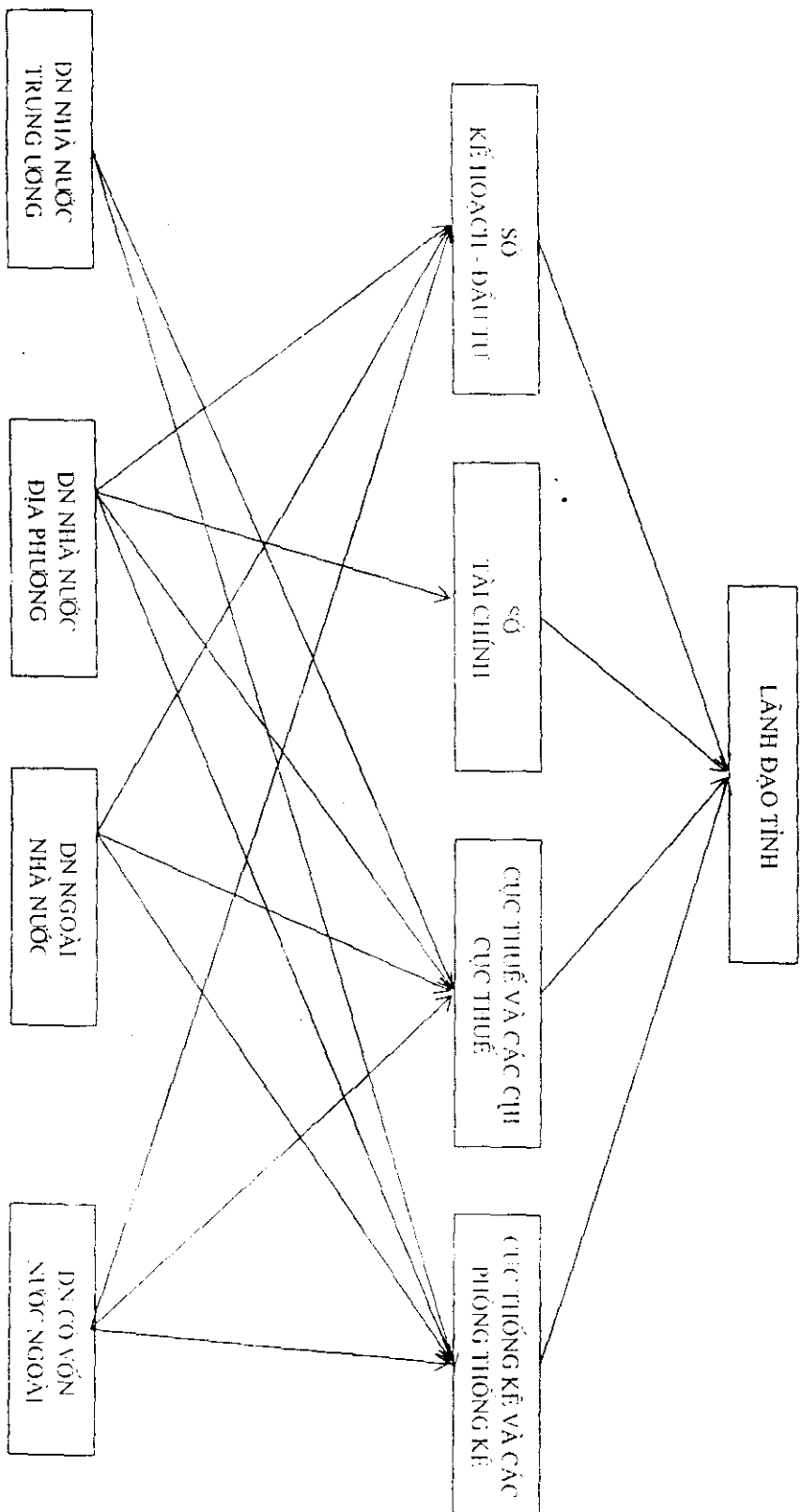
năm 2007. Khi điều tra toàn diện, phải lưu ý đến phạm vi của thông tin, không được để sót bất cứ đơn vị nào.

Còn điều tra không toàn diện, có thể là điều tra chuyên đề hoặc điều tra chọn mẫu, đi sâu nghiên cứu một số nội dung của doanh nghiệp trên cơ sở chọn một số đơn vị đại diện, hoặc từ kết quả của các đơn vị mẫu mà suy rộng cho tổng thể, như điều tra hàng tháng đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước để tính giá trị sản xuất các ngành công nghiệp, thương nghiệp ..

IV. Thiết lập sơ đồ mạng (đường đi) thông tin

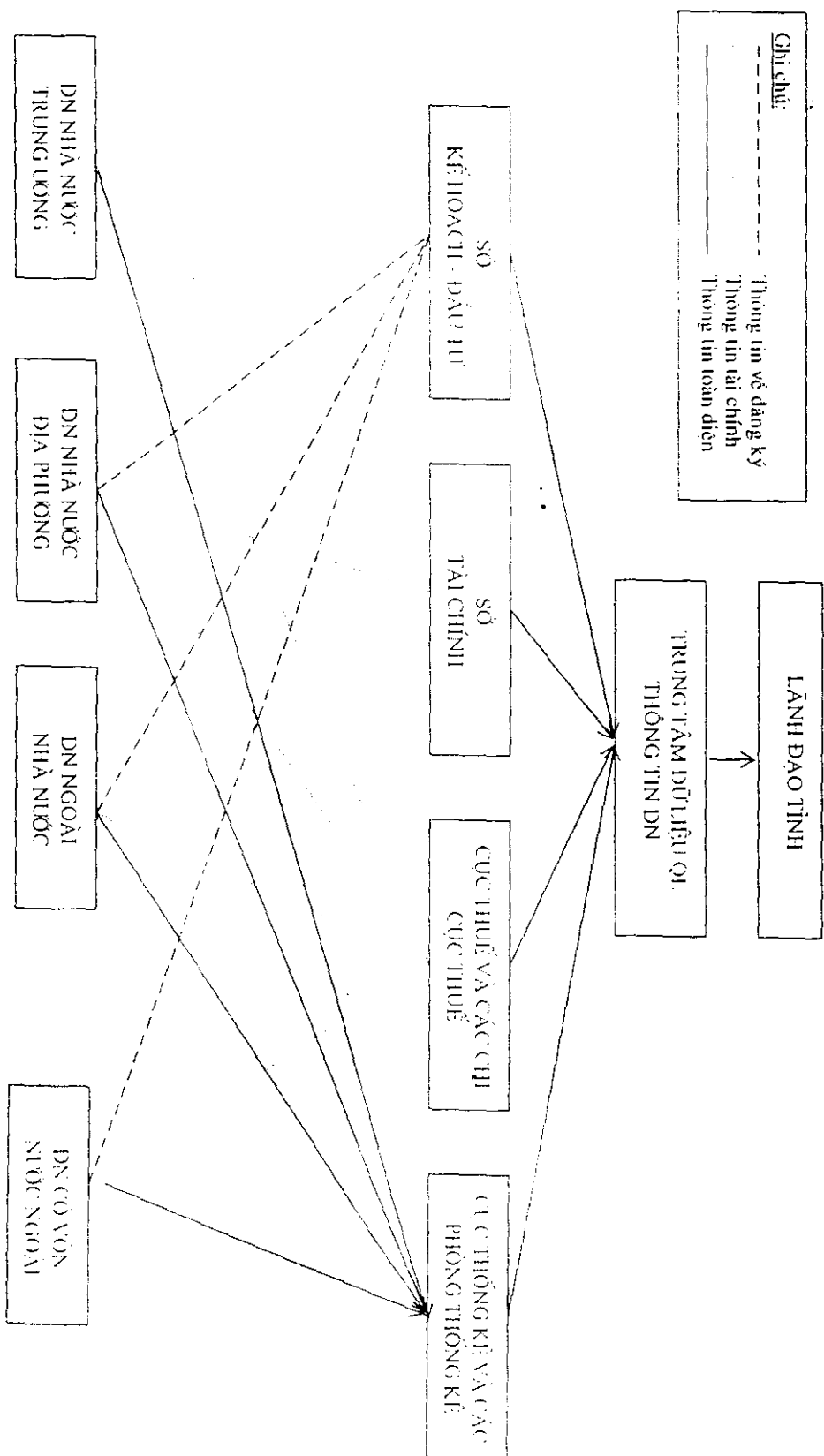
SƠ ĐỒ 1:

ĐƯỜNG ĐI CỦA THÔNG TIN DOANH NGHIỆP KHI CHỮA CỐ TRUNG TÂM DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP



SƠ ĐỒ 2

ĐƯỜNG ĐI CỦA THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TỪ KINH CỐ TRUNG TÂM DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP



Đường đi của thông tin doanh nghiệp trước và sau khi có trung tâm dữ liệu sẽ có những điểm khác nhau chính như sau:

- **Thông tin đầu vào** tức là doanh nghiệp đến các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trước đây không có sự phân công rõ ràng, cơ quan nào cũng muốn mình có thật nhiều thông tin về doanh nghiệp, nhiều nội dung trùng lặp. Khi có được trung tâm dữ liệu doanh nghiệp, các cơ quan có sự phân công lại:

+ **Sở Kế hoạch đầu tư:** Cập nhật và cung cấp cho trung tâm các thông tin ban đầu khi cấp phép đăng ký kinh doanh, các thông tin lý lịch của các doanh nghiệp: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

+ **Sở Tài chính:** Cập nhật và cung cấp cho trung tâm các thông tin tài chính của các đơn vị nhà nước địa phương.

+ **Cục thuế Tỉnh và các chi cục thuế huyện, thành phố:** cập nhật và cung cấp cho trung tâm dữ liệu toàn bộ thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh (từ nhận dạng, đến điều kiện sản xuất và kết quả) của tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. theo thông tin tờ khai đăng ký thuế.

+ **Cục thống kê Tỉnh và các phòng thống kê huyện, thành phố :** Cập nhật và cung cấp cho trung tâm dữ liệu thông qua chế độ báo cáo và điều tra thống kê. Đây là cơ quan duy nhất trong hệ thống mạng được giao trách nhiệm tổ chức các cuộc điều tra thu thập thông tin về doanh nghiệp để bổ sung các thông tin còn thiếu do khiếm khuyết của các chế độ báo cáo.

Thông tin về doanh nghiệp hiện nay tập trung ở 2 cơ quan chính là Cục thuế và Cục Thống kê. Các cơ quan khác tuy cũng có một phần thông tin doanh nghiệp, song không đầy đủ phạm vi địa bàn và cũng trùng trong khối thông tin mà Cục thuế và Cục Thống kê đã có. Nói như vậy để

thấy đúng nguồn thông tin, có biện pháp tập trung ưu tiên đúng chỗ khai thác tối đa nguồn thông tin về doanh nghiệp mà hai cơ quan này có.

Tất cả các thông tin về doanh nghiệp phải được kiểm sửa, làm sạch tại các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trước khi nạp về trung tâm dữ liệu. Cụ thể: Các thông tin về doanh nghiệp được thu thập qua chế độ báo cáo và điều tra thống kê sẽ được xử lý, tổng hợp tại trung tâm. Đối với các thông tin do sở ngành, huyện quản lý, thu thập thì sở ngành, huyện có trách nhiệm kiểm sửa, xử lý trước khi chuyển về trung tâm dữ liệu.

- **Về thông tin đầu ra:** Trước khi có trung tâm dữ liệu doanh nghiệp đầu ra của các cơ sở dữ liệu chuyên ngành là tùy thuộc vào yêu cầu của cấp chủ quản và Lãnh đạo địa phương, thông tin đầu ra chưa qua kiểm chứng thống nhất, nên cùng một nội dung có khi số liệu lại khác nhau, Cùng một chỉ tiêu nhưng nhiều cơ quan sử lý, tốn kém mà chất lượng hạn chế, kém hiệu quả. Sau khi thành lập trung tâm dữ liệu tất cả thông tin đầu ra đều phải qua kiểm chứng, loại trừ mọi bất hợp lý, đảm bảo tính thống nhất cao, tránh được trường hợp mỗi cơ quan công bố một con số. Tất cả thông tin đầu ra đều xuất phát từ một nguồn, đó là Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp.

Các thông tin về doanh nghiệp tại trung tâm dữ liệu phải được khai thác có hiệu quả để phục vụ quản lý nhà nước và nhu cầu của những người dùng tin khác.

Sản phẩm đầu ra của thông tin về doanh nghiệp phải được đa dạng hóa bằng nhiều hình thức: các bảng số liệu, ấn phẩm phân tích, đĩa mềm, CD, hoặc qua mạng máy tính. Trước hết được nối với các cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân Tỉnh. Các cơ quan này cần **được ưu tiên cung cấp toàn bộ nội dung thông tin về doanh nghiệp** đang lưu trữ tại trung tâm dữ liệu.

Thủ trưởng các sở ban ngành, các huyện thành phố được phân cấp quản lý doanh nghiệp, có cơ sở dữ liệu chuyên ngành tham gia nối mạng với

trung tâm dữ liệu, được quyền khai thác các thông tin doanh nghiệp cần thiết theo chức năng quản lý nhà nước.

Các đối tượng dùng tin khác được trung tâm dữ liệu cung cấp thông tin thực hiện đúng theo luật thống kê đã ban hành.

V. Thiết lập qui trình xử lý, lưu trữ, khai thác truyền đưa (cung cấp) thông tin

- **Về đối tượng thu thập thông tin:** Là các doanh nghiệp (doanh nghiệp nhà nước trung ương và địa phương; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các hợp tác xã và doanh nghiệp ngoài nhà nước).

- **Về nội dung thông tin** kết hợp với quá trình hình thành và hoạt động của doanh nghiệp, cũng chia làm hai phần: Thông tin cấp phép và thông tin khi các doanh nghiệp đã vào hoạt động. Trong đó thông tin sau cấp phép, đặc biệt là thông tin về tài chính doanh nghiệp cần được chú trọng cập nhật, hệ thống và cung cấp kịp thời.

- **Về nguồn thông tin** (cơ sở dữ liệu ban đầu) Về thông tin cấp phép tập trung ở Sở Kế hoạch đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp, Phòng Tài chính – kế hoạch các huyện, thành phố.

Thông tin sau cấp phép của doanh nghiệp, đây là khối thông tin lớn nhất tập trung ở hai cơ quan Cục thuế (tài chính doanh nghiệp) và Cục Thống kê (thông tin về nhận dạng và kết quả hoạt động).

Từ thực tế đó chúng tôi đề nghị: Trong giai đoạn đầu cần tập trung củng cố và tăng cường 3 cơ sở dữ liệu chuyên ngành là Sở Kế hoạch đầu tư - Cục thuế và Cục Thống kê; nối 3 cơ sở này với trung tâm dữ liệu doanh nghiệp theo qui trình và phân công như sau:

1. Sở kế hoạch đầu tư: Là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc cập nhật, hệ thống và cung cấp cho trung tâm dữ liệu doanh nghiệp những thông tin ban đầu về cấp phép thành lập các doanh nghiệp.

Hồ sơ đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp ngoài nhà nước như: doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần ..

Hồ sơ đăng ký bổ sung thay đổi: tên doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, thay đổi người đại diện pháp luật của doanh nghiệp, thay đổi vốn đầu tư và thông báo tạm ngưng hoạt động của doanh nghiệp.

Các hồ sơ đăng ký trên sau khi được cập nhật đầy đủ vào máy tính theo chương trình thống nhất, định kỳ một tháng một lần, các dữ liệu truyền về trung tâm dữ liệu doanh nghiệp.

2. Cục Thuế tỉnh: Là cơ quan chủ trì báo cáo tài chính doanh nghiệp, theo qui định báo cáo tài chính qui áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, báo cáo năm áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp.

3. Cục Thống kê: Chịu trách nhiệm cập nhật các số liệu về nhận dạng và kết quả hoạt động (từ các chỉ tiêu tài chính) của doanh nghiệp cụ thể là:

- Lưu trữ, tổng hợp, và truyền về trung tâm dữ liệu toàn bộ báo cáo chính thức 6 tháng và năm của các loại hình doanh nghiệp, trong đó cục thống kê trực tiếp thu thập, xử lý số liệu của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các phòng thống kê huyện, thành phố thu thập, xử lý số liệu các doanh nghiệp ngoài nhà nước. Các số liệu trên được truyền về trung tâm dữ liệu theo lịch trình qui định.

- Theo định kỳ: tổ chức các cuộc điều tra toàn diện và mẫu về kết quả hoạt động của doanh nghiệp để bổ sung các thông tin còn thiếu, đảm bảo nội dung thông tin về doanh nghiệp toàn diện, đầy đủ, hệ thống, có độ tin cậy cao, đáp ứng được công tác quản lý doanh nghiệp và người dùng tin.

- Cục thống kê có trách nhiệm truyền về trung tâm để đưa lên mạng các thông tin tổng hợp nhanh và dự báo kết quả hoạt động của doanh nghiệp

hàng tháng, quý, năm kịp thời phục vụ yêu cầu lãnh đạo tỉnh và các cơ quan chức năng.

4. Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp

Trung tâm thiết lập qui trình tiếp nhận, xử lý, lưu trữ, khai thác và truyền đưa thông tin.

4.1. Tiếp nhận và xử lý thông tin: Trong giai đoạn đầu trung tâm dữ liệu doanh nghiệp tập trung tiếp nhận dữ liệu của 3 cơ quan Sở kế hoạch và đầu tư, Cục thuế tỉnh và Cục thống kê tỉnh. Từ đó rút kinh nghiệm từng bước nối mạng tiếp với các sở quản lý chuyên ngành như : Sở thương mại du lịch, sở công nghiệp, ban quản lý các khu công nghiệp, các huyện, thành phố.

Trung tâm tiếp nhận thông tin của Sở kế hoạch đầu tư, Cục thuế , Cục thống kê qua mạng WAN, theo đường truyền của UBND tỉnh đã kết nối với các cơ quan.

Thông tin của các cơ sở dữ liệu chuyên ngành chuyển về trung tâm có thể là thông tin thô(ban đầu chưa tổng hợp) hoặc thông tin đã qua tổng hợp sơ bộ theo chương trình tương thích với trung tâm, nhưng nhất thiết tất cả phải được làm sạch, đã được cán bộ nghiệp vụ kiểm tra về tính trung thực với tính logic hợp lý của số liệu. Các cơ quan chuyên môn phải chịu trách nhiệm về chất lượng của số liệu trước khi chuyển về trung tâm.

Xây dựng phần mềm cập nhật CSDL :

- Trung tâm nghiên cứu xây dựng giải pháp và chương trình phần mềm(Module) cho phù hợp với điều kiện thực hiện của đơn vị. Chương trình cập nhật có các chức năng chính:

+Module 1- Chuyển dạng : Chuyển các mẫu tin từ cấu trúc CSDL đã có và đang sử dụng tại các cơ quan kết nối , mã hóa thông tin của đơn vị cho

phù hợp với cấu trúc CSDL, mã hóa thông tin về doanh nghiệp của trung tâm.

+Module 2: Chuyển giao và tiếp nhận :

Sau khi dữ liệu được các đơn vị kết nối cung cấp theo qui trình tháng, quý, năm được truyền trực tiếp các dữ liệu đã được chuyển dạng về trung tâm dữ liệu doanh nghiệp.

+Module 3 : Tiếp nhận kiểm tra và cập nhật: Thực hiện kiểm tra dữ liệu đưa vào có trùng lặp với số cũ hay không? có đầy đủ thông tin không, có thỏa mãn các tiêu chuẩn để cập nhật biến động hay không?. Sau khi kiểm tra đầy đủ thông tin sẽ cập nhật vào dữ liệu chung để quản lý và tổng hợp.

4.2. Qui trình lưu trữ :

Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, đảm bảo tính an toàn và bảo mật.

Trung tâm không lưu trữ thông tin dạng đặc thù theo chuyên ngành.

4.3. Qui trình khai thác cung cấp thông tin.

Việc khai thác, cung cấp thông tin tại trung tâm(thông tin đầu ra) thực hiện theo qui định :

- Lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh được khai thác và cung cấp toàn bộ thông tin về doanh nghiệp đang lưu trữ tại trung tâm.

- Thủ trưởng các sở ban ngành, huyện đơn vị được phân cấp quản lý doanh nghiệp có quyền khai thác thông tin doanh nghiệp cần thiết để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chức năng và nhiệm vụ.

- Mức độ phạm vi thông tin khai thác và cung cấp :

+ Thông tin chi tiết về doanh nghiệp : Sở ban ngành huyện có quyền khai thác thông tin chi tiết về doanh nghiệp trong phạm vi mình quản lý

+ Thông tin tổng hợp về doanh nghiệp : Sở ban ngành, huyện được quyền khai thác thông tin tổng hợp theo phạm vi quản lý về doanh nghiệp được phân cấp cho sở ban ngành, huyện.

+ Khi cung cấp thông tin cho mọi đối tượng sử dụng thì người dùng tin phải gửi yêu cầu, mục đích khai thác thông tin về doanh nghiệp với trung tâm, trong văn bản yêu cầu, nêu rõ nhu cầu (hoặc biểu thiết kế, chi tiết nội dung cần khai thác, mức độ phạm vi thông tin khai thác, dạng chuyển giao thông tin cung cấp, thời gian nhận kết quả)

4.4. Quy trình khai thác tại các đơn vị cơ sở :

Quy trình áp dụng cho các đơn vị, cơ sở được lưu trữ CSDL hoặc nối kết mạng vào trung tâm để truy xuất cơ sở dữ liệu doanh nghiệp.

Bộ phận quản trị dữ liệu thực hiện việc phân quyền và kiểm tra việc truy xuất của các đơn vị, như đăng ký tên người, mật khẩu...theo phân quyền được cấp, các chức năng được quyền sử dụng.

Bộ phận khai thác và giao nhận sẽ tiến hành liên hệ và cài đặt lại các chức năng khai thác đối với các đơn vị có lưu trữ CSDL về doanh nghiệp.

- Các đơn vị kết nối với trung tâm được quyền khai thác thông tin doanh nghiệp thuộc phạm vi mình quản lý, có thể tự lập trình và khai thác các thông tin trên CSDL doanh nghiệp thuộc phần quản lý của đơn vị. Việc thiết kế, xây dựng chương trình chức năng khai thác thông tin sẽ tuân thủ theo qui định cụ thể của Trung tâm nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất qui chế. Khai thác, cung cấp thông tin; đảm bảo an toàn và bảo mật của hệ CSDL về doanh nghiệp.

VI. Hiện trạng về cơ sở kỹ thuật tại cục thống kê.

1. Máy chủ (Server): 3 máy, trong đó: Một máy mạng, một máy xử lý và một máy dữ liệu.

Năng lực 1 máy chủ: 256 Mb RAM, 40 Gb HDD.

Tổng dung lượng đĩa: 40 Gb

2. Máy trạm tại văn phòng Cục: 19 máy, chủ yếu dùng trong công việc tác nghiệp của Cục và xử lý các cuộc điều tra.

3. Mạng cục bộ: Mạng hình sao, trục chính thông lượng 100 Mbps, các trạm 10 Mbps.

4. Phần mềm hệ thống:

- Hệ điều hành: Windows Server 2003

- CSDL: Foxpro

- Lập trình: Visual Foxpro.

5. Hiện trạng CSDL:

- Đã có thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua 6 năm (Từ năm 2000 đến năm 2005) trong máy tính (trên nền Foxpro).

Phòng Thống kê Huyện, Thành phố:

- 9 Phòng Thống kê Huyện đều có trang bị máy tính : 2máy/đơn vị.

- Tổng số: khoảng 18 máy tính.

- Các huyện đều có modem để truyền, nhận dữ liệu.

- Một số Huyện có lưu trữ thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp ngoài quốc doanh) trên nền Foxpro, Excel.

- **Đội ngũ lao động tham gia thu thập xử lý thông tin doanh nghiệp:**

Đội ngũ thu thập thông tin:

Đội ngũ thu thập thông tin về doanh nghiệp tại địa bàn tỉnh hiện nay có 4 loại chính:

- Cán bộ chuyên nghiệp được đào tạo chuyên ngành tập trung ở ngành thống kê. Tại Văn phòng Cục có 20 người, ở 9 huyện có 36 người, tổng số

56 người. Số này tất cả đều được đào tạo chính qui có trình độ đại học 59% . Hầu hết có thời gian công tác thực tế trên 5 năm.

- Nhóm thứ hai chiếm đa số là cán bộ quản lý chuyên ngành (tài chính, thuế, kế hoạch ...) theo dõi doanh nghiệp về nghiệp vụ, kết hợp làm thêm việc thu thập thông tin có liên quan để giúp cho việc quản lý nhà nước về lĩnh vực mà ngành mình quản lý.

- Nhóm thứ ba là những người làm kế toán, thống kê tại các doanh nghiệp, làm các việc ghi chép ban đầu, lập biểu báo cáo . . . Phần lớn mỗi doanh nghiệp lớn có từ 1 đến 2 người, những đơn vị nhỏ (doanh nghiệp tư nhân) một kế toán kiêm 2-3 đơn vị, hoặc một người kiêm nhiều phần việc khác nhau (kế toán, thống kê . . .).

- Nhóm thứ tư là những điều tra viên được tập huấn ngắn hạn tham gia thu thập thông tin theo yêu cầu của từng cuộc điều tra.

Đội ngũ xử lý tin:

Tại Cục Thống kê:

- Đội ngũ kiểm tra, xử lý và nhập tin: khoảng 15 kỹ thuật viên.
- Đội ngũ lập trình, xây dựng CSDL: 3 kỹ sư phần mềm.
- Đội ngũ bảo trì hệ thống mạng máy tính: 2 kỹ sư phần cứng.
- Đội ngũ thiết kế thông tin đầu ra, kiểm tra kiểm soát nội dung thông tin v.v. . . (chuyên viên Cục Thống kê).

VII. Vấn đề trang bị kỹ thuật

Về khối lượng:

- Xác định khối lượng thông tin và phạm vi thu thập, cung cấp thông tin bằng hệ thống máy tính.
- Xác định khối lượng công việc, khả năng triển khai trên các nền công cụ phần mềm.

Về chủng loại:

- Các thiết bị phần cứng như: máy chủ, máy tính, thiết bị mạng cục bộ, thiết bị mạng WAN ...

- Hệ thống viễn thông, đường truyền của UBND tỉnh

- Trang bị các sản phẩm phần mềm hệ thống căn bản như hệ điều hành, hệ quản trị CSDL, các phần mềm lập trình, khai thác v.v...

- Xây dựng các phần mềm ứng dụng cụ thể như xây dựng CSDL, xây dựng các chương trình nhập, xuất dữ liệu...

+ Mô hình tổng thể hạ tầng kỹ thuật mạng-máy tính:

- Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp:

Là vị trí lưu trữ và điều hành tất cả các luồng thông tin về doanh nghiệp. Do đó, tại Trung tâm có khả năng về thiết bị phần cứng, mạng và các phần mềm hệ thống đủ mạnh để có thể phục vụ đáp ứng các yêu cầu trước mắt và trong tương lai.

Hệ thống phần cứng dự kiến được xây dựng theo công nghệ Client-Server

Gồm : Hệ thống máy chủ:

+ 3 Server CSDL:

- 1 Server: Các CSDL hiện hành

- 1 Server backup và CSDL lịch sử.

- 1 Server: Các CSDL kết xuất thông tin, chức năng là WEB Server.

+ 1 Server: chức năng kết nối với các Server bên ngoài như:

- Tiếp nhận cập nhật với CSDL chuyên ngành.

- Tiếp nhận cập nhật với CSDL huyện.

- Trao đổi cập nhật với hệ thống Lưu trữ.

+ 1 Server: gồm các hệ thống phần mềm ứng dụng, xử lý tính toán, chức năng là Application Server.

+ Hệ thống máy tính điều hành, quản trị, khai thác:

+ **Khối lượng thông tin thu thập ban đầu:**

CSDL về lý lịch doanh nghiệp:

- Nối kết CSDL về đăng ký doanh nghiệp ngoài nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài từ Sở Kế hoạch đầu tư.

- Nối kết CSDL về đăng ký thuế và tài chính DN, các báo cáo quyết toán tài chính quý, năm từ Cục thuế tỉnh.

CSDL về năng lực sản xuất kinh doanh từ Cục Thống kê tỉnh:

- Nối kết CSDL về sản xuất kinh doanh doanh nghiệp theo các ngành Công nghiệp, Thương nghiệp, Xây dựng cơ bản, Giao thông vận tải, Nông lâm, Đầu tư nước ngoài.

- Nối kết CSDL về điều tra doanh nghiệp từ năm 2001 đến 2006

Phương thức chuyển giao thông tin:

- Sở Kế hoạch đầu tư : Định kỳ cập nhật hàng tháng, bằng đường modem.

- Cục thuế : Định kỳ cập nhật hàng quý, bằng đường modem.

- Cục Thống kê : Định kỳ cập nhật hàng tháng, quý bằng hệ thống mạng cục bộ.(Nếu trung tâm dữ liệu đặt tại Cục thống kê), hoặc bằng đường modem.

Nội dung và Phương thức khai thác cung cấp thông tin:

Nội dung thông tin cung cấp:

- Truy vấn thông tin chi tiết từng doanh nghiệp.

- Tổng hợp phân tích tình hình doanh nghiệp trên địa bàn, theo ngành kinh tế quốc dân v.v...

Phương thức cung cấp:

- Bằng WEB:

Các nội dung thông tin tổng hợp.

Tra cứu thông tin chi tiết doanh nghiệp: phục vụ lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

VIII. Một số vấn đề cần chuẩn hóa

Thông tin các doanh nghiệp đã đưa vào mạng nội bộ (LAN) và mạng rộng (WAN), nhiều cơ quan, nhiều người sử dụng vì vậy để tránh sự hiểu khác nhau, thì phải có ngôn ngữ chung. Nói cách khác là phải được chuẩn hóa. Có chuẩn hóa thì mới hiểu thống nhất. Trong các vấn đề cần chuẩn hóa, trước hết phải làm mấy việc:

- + Chuẩn hóa các khái niệm;
- + Chuẩn hóa các phương pháp;
- + Chuẩn hóa hệ thống danh mục;
- + Đảm bảo tính tương thích về kỹ thuật (cả phần cứng và phần mềm).

Sau đây là nội dung chính của từng vấn đề:

1. Chuẩn hóa về các khái niệm:

Trong các khái niệm có liên quan đến thông tin về doanh nghiệp cần chuẩn hóa, điều quan trọng là phải thống nhất về nội dung và phạm vi của từng khái niệm được dùng. Tất cả các khái niệm đó phải được hiểu theo chuẩn mực quốc gia. Nếu không có chuẩn mực quốc gia thì phải được hiểu theo những qui ước thống nhất đã được thỏa thuận, không được tự đưa ra những khái niệm, mà không có giải thích rõ ràng và khác với các chuẩn mực đã có.

2. Chuẩn hóa về phương pháp:

Ở đây chỉ đề cập đến hai phương pháp chính có liên quan đến các chỉ tiêu về doanh nghiệp là: - Phương pháp thu thập thông tin; và Phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê.

2.1. Về phương pháp thu thập thông tin: Phương pháp thu thập thông tin khác nhau thì kết quả thông tin có được cũng khác nhau. Hình thức thu thập thông tin chủ yếu hiện nay là: chế độ báo cáo và điều tra thống kê. Thu thập thông tin qua chế độ báo cáo có nhiều cơ quan làm, mà nhiều nhất là Cục Thống kê, Cục thuế và Sở Tài chính, Sở Kế hoạch, nhưng phạm vi hẹp và số lần cũng ít. Còn điều tra thống kê tập trung chính là ở Cục Thống kê, về pháp lý đây là cơ quan chính thức để làm việc này. Ở đây có một đội ngũ cán bộ nghiệp vụ được huấn luyện tốt, tay nghề khá và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn.

Cái khó hiện nay là do cách thu thập thông tin khác nhau, không được chuẩn hóa (về phương pháp, nội dung, quan niệm, phạm vi, thời gian, cách xử lý ...) nên chất lượng thông tin bị hạn chế. Vấn đề đặt ra là phải được chuẩn hóa về phương pháp thu thập, thì mới đảm bảo được độ tin cậy của thông tin và nội dung thông tin sẽ được thống nhất. Mặt khác sẽ tránh được những cuộc thu thập thông tin có nội dung trùng lặp, giảm chi phí thu thập, nâng cao tính hiệu quả của thông tin; khắc phục được tình trạng nhiều cơ quan cùng tổ chức thu thập một nội dung thông tin giống nhau mà kết quả lại khác nhau.

2.2. Về phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê:

Các chỉ tiêu phản ánh hoạt động của doanh nghiệp, nội dung đó rất phong phú, rất nhiều chỉ tiêu. Mỗi chỉ tiêu đều có nội dung, ý nghĩa, mục đích, yêu cầu và phương pháp tính toán riêng. Điều đáng nói là hiện nay phương pháp tính toán nhiều chỉ tiêu quan trọng của doanh nghiệp vẫn còn nhiều chỗ chưa thống nhất (mỗi nơi qui định một khác), hoặc chưa hợp lý.

Ví dụ như chỉ tiêu giá trị sản xuất ở một doanh nghiệp có nhiều hoạt động kinh tế khác nhau thì có nhiều qui định cách tính không thống nhất:

- Theo TCTK qui định *lấy việc hạch toán làm chuẩn*: Nếu hạch toán riêng thì tính vào ngành tương ứng; còn hạch toán phụ thuộc thì tính vào ngành sản xuất chính.

Trên đây là một ví dụ về những qui định không thống nhất trong tính giá trị sản xuất ở một doanh nghiệp, điều đó đặt ra là phải thống nhất (chuẩn hóa) cách tính toán các chỉ tiêu của doanh nghiệp .

3. Chuẩn hóa hệ thống danh mục:

Có nhiều danh mục liên quan đến thông tin về doanh nghiệp, như: Danh mục hành chính (liên quan đến địa chỉ doanh nghiệp); hệ thống ngành kinh tế quốc dân (liên quan đến phân ngành hoạt động của doanh nghiệp); danh mục sản phẩm (liên quan đến kết quả sản xuất); danh mục lao động (trình độ và ngành nghề đào tạo) v.v... Đi với hệ thống danh mục chuẩn còn có hệ thống mã số tương ứng. Việc xử lý các thông tin về doanh nghiệp bằng máy tính yêu cầu phải mã hóa các nội dung thông tin có liên quan. Mã hóa sẽ làm chuẩn hóa thông tin, tiện lợi cho công việc xử lý, lưu trữ và truyền đưa; giảm dung lượng mà tăng thông tin; tăng chất lượng và hiệu quả thông tin. Mã số các danh mục cần được xây dựng theo những nguyên tắc thống nhất và phải do cơ quan chuyên môn đủ thẩm quyền ban hành để tất cả cùng sử dụng. Đây là vấn đề rất hệ trọng, cần chú ý đến tính khoa học và thực tiễn. Đồng thời nghiêm cấm mọi hiện tượng tùy tiện đưa ra các mã số khác với qui định chung, không bảo đảm được tính thống nhất cao trong sử dụng.

- **Mã số doanh nghiệp:** Hiện nay chưa có mã số doanh nghiệp thống nhất theo qui định dùng chung cho các ngành. Hiện có hai loại mã số:

- Mã số đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư cấp;
- Mã số thuế do ngành Thuế cấp.

Các doanh nghiệp thường xuyên thay đổi mã số thuế cũng như mã đăng ký kinh doanh, nên không quản lý được về lý lịch doanh nghiệp qua các năm.

- Ngoài danh mục, một số vấn đề khác cũng cần lưu ý chuẩn hóa, như đơn vị tính ... Đơn vị tính dùng không thống nhất dễ dẫn đến nhầm lẫn trong xử lý, đặc biệt xử lý bằng máy, hậu quả là sai số lớn.

4. Các vấn đề chuẩn hóa về kỹ thuật:

4.1. Nhu cầu chuẩn hóa:

- Nhu cầu chuẩn hóa khi có nhu cầu cùng hiểu, trao đổi lẫn nhau hay nói cách khác có cùng 1 ngôn ngữ chung để:

Cùng kết nối chung; dẫn đến chuẩn hóa đầu vào.

Hoặc cùng khai thác, sử dụng; dẫn đến chuẩn hóa đầu ra.

Các mức chuẩn hóa:

Việc xây dựng CSDL có nhiều lớp cần phải khớp nhau, trao đổi dữ liệu cho nhau; tối thiểu cần những lớp sau:

- *Lớp thông tin mức nghiệp vụ:*

▪ Là những khái niệm của bộ phận quản lý nghiệp vụ sử dụng trong công tác hàng ngày, cách tính toán và xử lý cung cấp ra thông tin kết quả v.v...

- *Lớp cấu trúc hóa logic:*

▪ Là cách đặt tên những khái niệm của nghiệp vụ và mô hình các khái niệm bên ngoài trước khi chuyển sang dạng lưu trữ trên máy tính;

- *Lớp mô hình cơ sở dữ liệu:*

▪ Có rất nhiều loại mô hình cơ sở dữ liệu, về lý thuyết cũng như về sản phẩm cài đặt cụ thể;

Thí dụ: theo mô hình tập tin, mô hình quan hệ, mô hình mạng, mô hình hướng đối tượng ...

Chuẩn hóa mức hạ tầng công nghệ phần mềm:

Như trên hệ điều hành UNIX, hoặc Windows NT hoặc DOS v.v...

Chuẩn hóa mức kết nối mạng viễn thông

Chuẩn hóa mức phần cứng máy tính

Giải pháp chuẩn hóa:

Các Sở Ngành sử dụng ngôn ngữ nghiệp vụ phục vụ công tác chuyên ngành quản lý tương tự như nhiều dân tộc sử dụng các ngôn ngữ khác nhau để cùng diễn đạt về 1 khái niệm. Giải pháp trong ngôn ngữ là dùng 1 ngôn ngữ chung, rồi dịch từ ngôn ngữ đặc thù sang ngôn ngữ chung. Tương tự, *giải pháp đề xuất là xây dựng các chương trình chuyển khái niệm chuyên biệt của Sở Ngành sang một khái niệm chung là khái niệm được thiết kế và cài đặt làm CSDL về doanh nghiệp.*

Vấn đề: Các Sở Ngành cung cấp định nghĩa các khái niệm 1 cách chính xác rõ ràng, từ đó là cơ sở để xây dựng các chương trình dịch (chuyển đổi khái niệm) về khái niệm chung.

Qui trình thực hiện:

- Các đơn vị cung cấp định nghĩa khái niệm (liên quan đến thông tin thu thập như các định nghĩa trên tờ khai đăng ký kinh doanh, cách phân loại v.v...)

- Thiết kế cấu trúc dữ liệu và CSDL tương ứng với các khái niệm đặc thù của Sở Ngành.

- Thiết kế và xây dựng chương trình dịch từ cấu trúc và CSDL (tương ứng) sang cấu trúc và CSDL chung (của Trung tâm) được thiết kế và xây dựng theo yêu cầu chuẩn chung.

Khi có sự thay đổi biến động, các đơn vị cung cấp thông tin thông báo cho trung tâm để tiến hành xây dựng chương trình dịch cần thiết.

4.2. Một số vấn đề về chương trình xử lý:

Quá trình xử lý cần xây dựng nhiều chương trình: nhập, kiểm lưu và xuất.

Trong đó quan trọng nhất cần phải xác định được cấu trúc và kiến trúc CSDL để định hướng việc xây dựng chương trình.

Cấu trúc CSDL doanh nghiệp:

CSDL về doanh nghiệp được xây dựng trên nhiều nguồn khác nhau, phản ánh hiện trạng doanh nghiệp với nhiều quan điểm khác nhau. Có thể chia CSDL doanh nghiệp ra làm các thành phần nhằm đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, kiểm tra thông tin đầu vào và kết nối các thành phần dữ liệu mô tả doanh nghiệp; cụ thể gồm:

- CSDL về lý lịch doanh nghiệp (thông tin về cấp phép)
- CSDL về tình hình tài chính doanh nghiệp.
- CSDL về kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong mỗi cơ sở dữ liệu thành phần, có thể có nhiều CSDL nhỏ hơn tương ứng với nguồn thông tin đầu vào.

Kiến trúc CSDL về doanh nghiệp:

Có thể chia làm:

- CSDL chi tiết, đáp ứng các câu truy vấn về thông tin chi tiết của doanh nghiệp.
- CSDL tổng hợp, đáp ứng các câu truy vấn về thông tin tổng hợp, phân tích trong 1 thời kỳ về doanh nghiệp.
- CSDL thống kê, đáp ứng các câu truy vấn tổng hợp, phân tích qua nhiều thời kỳ về doanh nghiệp.

- CSDL dẫn xuất tri thức, đáp ứng các truy vấn thông tin không thể tính toán bình thường bằng cách dùng phép tính thống kê trên tổ hợp các chỉ tiêu.

4.2.1. Quy trình tổng thể:

- Thông tin đầu vào module nhập liệu, kiểm tra tính hợp lệ CSDL thành phần.

- CSDL thành phần module cập nhật, chuyển dạng, kết nối CSDL chi tiết.

- CSDL chi tiết + các bảng danh mục phân lớp module tích hợp CSDL tổng hợp.

- CSDL tổng hợp module tích hợp (theo kỳ) CSDL thống kê.

- CSDL chi tiết + CSDL tổng hợp các module tính toán CSDL dẫn xuất tri thức.

4.2.2. Mô hình xử lý khai thác tổng thể:

Các kết xuất đều có thể cung cấp ra màn hình, giấy, WEB. Lưu trữ trên đĩa.

- CSDL thành phần module khai thác theo Sở Ngành, gồm cả thông tin chi tiết (từ thông tin đầu vào ứng với Sở Ngành), các báo cáo tổng hợp phân tích định kỳ.

- CSDL chi tiết module truy vấn chi tiết doanh nghiệp như gồm cả Lý lịch, tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh.

- CSDL tổng hợp module lập báo cáo tổng hợp, phân tích như phân tích tình hình sản xuất (giá trị tổng sản lượng) của doanh nghiệp chia theo ngành kinh tế quốc dân, chia theo ngành nghề kinh doanh v.v...

- CSDL thống kê module tổng hợp, phân tích (theo thời kỳ, so sánh) tốc độ phát triển của doanh nghiệp chia theo ngành kinh tế quốc dân ...

IX. Một số giải pháp về công tác quản lý doanh nghiệp và thu thập thông tin

Với số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay còn ít nhưng thường xuyên biến động, thực trạng doanh nghiệp sau khi đăng ký kinh doanh còn bỏ ngỏ, nguyên nhân là chưa có đầu mối kết nối giữa các cơ quan quản lý về doanh nghiệp, mỗi cơ quan chỉ quản lý theo chuyên ngành của mình, ví dụ: Sở kế hoạch và đầu tư thì cấp giấy phép kinh doanh, Cục thuế thì thu nộp ngân sách ..., nên khi chỉ rõ từng doanh nghiệp chưa phản ánh được. Với tồn tại đó hình thành Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp còn có ý nghĩa là tin học hóa quản lý hành chính, cung cấp các thông tin vĩ mô và vi mô trong việc điều hành và quản lý nhà nước hiệu quả nhất đối với Lãnh đạo địa phương, đồng thời tinh giảm biểu mẫu báo cáo đối với doanh nghiệp.

1. Chuẩn hóa các khái niệm, các phương pháp tính nhằm phục vụ thông tin đầu ra:

- Nghiên cứu, thiết kế và định nghĩa chính thức các khái niệm nghiệp vụ do Cục Thống kê chủ trì để làm cơ sở cho kiến trúc và cấu trúc CSDL về doanh nghiệp.

- Trực tiếp nghiên cứu các khái niệm, xây dựng cấu trúc CSDL phù hợp với các thông tin đầu vào của Sở Ngành như thông tin về đăng ký kinh doanh, thông tin về hồ sơ thuế.

- Xây dựng chương trình tiếp nhận dữ liệu từ các nguồn thông tin.

- Xây dựng chương trình chuyển đổi từ cấu trúc CSDL (Sở Ngành) vào cấu trúc chung.

- Việc chuẩn hóa các thông tin đầu ra được xây dựng trên nguyên tắc:

. Tôn trọng thông tin đầu ra của từng Sở Ngành; mỗi Sở Ngành chức năng nhiệm vụ về quản lý nhà nước về phạm vi phụ trách.

. Thông tin từ Trung tâm vừa phải đáp ứng các cơ quan lãnh đạo (có tính tổng hợp) vừa đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành (có tính tác nghiệp). Do đó thông tin đầu ra có thể là kết quả tổng hợp của tổng thể (theo cách phân tổ) và cũng có thể là thông tin cá thể từng doanh nghiệp để đáp ứng điều hành.

2. Nguyên tắc thu thập thông tin:

Phải có sự kết hợp chặt chẽ trên cơ sở phân công thu thập thông tin rõ ràng giữa các cơ quan : Sở kế hoạch và đầu tư, Cục thuế, Cục Thống kê và các cơ quan liên quan. Sự phân công phối hợp đó sẽ được thống nhất, đầy đủ, chính xác, có hiệu quả cao hơn, đảm bảo CSDL tương ứng của các ngành vừa đảm bảo cung cấp thông tin cho trung tâm CSDL doanh nghiệp.

Thông tin đầu vào: Giữ nguyên các CSDL tương ứng của Sở Ngành, cách tính toán, phân loại của Sở Ngành để cung cấp thông tin đầu ra theo định nghĩa và quan điểm chuyên biệt của Sở Ngành đó.

Thông tin đầu ra : Trung tâm dữ liệu xây dựng các chương trình cung cấp thông tin đầu ra theo định nghĩa của Trung tâm, phục vụ yêu cầu và nhu cầu của người dùng tin.

3. Nội dung thông tin thu thập :

- Thông tin về lý lịch: Sở kế hoạch và đầu tư cập nhật khi doanh nghiệp đăng ký, thay đổi, giải thể.

- Thông tin điều kiện kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Cục thuế tỉnh cập nhật các thông tin về tài chính, nộp ngân sách của doanh nghiệp. Cục thống kê cập nhật các thông tin trên từ báo cáo của doanh nghiệp, và từ các cuộc điều tra.

4. Thời gian thu thập :

+ Hàng tháng các đơn vị nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện các chế độ báo cáo theo qui định như đã trình bày ở trên gửi

về trung tâm dữ liệu doanh nghiệp qua Cục thống kê, đồng thời thực hiện điều tra chọn mẫu một số doanh nghiệp ngoài nhà nước để tổng hợp các chỉ tiêu báo cáo phục vụ sự Lãnh đạo của các cấp, các ngành. Trung tâm dữ liệu cung cấp các chỉ tiêu tổng hợp chung chia theo ngành và các huyện, thành phố.

+ Hàng năm vào thời điểm 1/3: Thực hiện theo sự phân công thu thập của các cơ quan liên quan, Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp sẽ quản lý thông tin kết quả SXKD từng doanh nghiệp, cung cấp các thông tin chi tiết và tổng hợp phục vụ các cấp lãnh đạo, các ngành và cho các đối tượng sử dụng thông tin.

Tóm lại: Việc hình thành Trung tâm dữ liệu để quản lý thông tin doanh nghiệp có vai trò quan trọng, và có ý nghĩa thiết thực, tin học hóa trong quản lý và cung cấp các thông tin tổng hợp thống nhất phục vụ sự điều hành và quản lý của các cấp, các ngành. Xác định chính xác số lượng doanh nghiệp theo địa bàn, theo thành phần kinh tế, theo ngành kinh tế, làm cơ sở lập dàn chọn mẫu trong điều tra thống kê. Quản lý sự hoạt động của doanh nghiệp theo các tiêu chí : Lý lịch doanh nghiệp, điều kiện và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thông qua dữ liệu cung cấp từ các ngành liên quan, cùng nhau khai thác nhằm mục đích đem lại hiệu quả nhất trong công tác quản lý của các ngành, các cấp và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Việc nghiên cứu xây dựng trung tâm dữ liệu doanh nghiệp của tỉnh Phú yên là cần thiết góp phần quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Phú yên.

Trong hiện tại, ở Phú yên có một số cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thuộc Sở kế hoạch đầu tư, Sở tài chính, Cục thuế và Cục thống kê nhưng qua khảo sát phân tích thấy rằng các cơ sở dữ liệu trên còn bộc lộ nhiều hạn chế nên chưa đáp ứng nhu cầu quản lý các loại hình doanh nghiệp trong công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp do ban chủ nhiệm đề tài đề xuất vừa khắc phục được những hạn chế tồn tại trên, đồng thời đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn.

2. Kiến nghị

Để sớm xây dựng được trung tâm dữ liệu doanh nghiệp đặt tại Cục thống kê Phú yên, chúng tôi đề nghị:

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn chỉnh đề án xây dựng trung tâm dữ liệu doanh nghiệp và tổ chức triển khai.

- Phải có sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Tỉnh và sự phối kết hợp của các ban ngành, trước hết là Sở kế hoạch đầu tư, Sở tài chính, Cục thuế Tỉnh, Sở công nghiệp và Sở thương mại du lịch tỉnh Phú yên.

- UBND tỉnh Phú yên và ngành Thống kê cần quan tâm hỗ trợ kinh phí, cán bộ, nghiệp vụ và kinh nghiệm để sớm đưa trung tâm dữ liệu vào hoạt động có hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra các năm 2001-2004 của Tổng cục Thống kê.
- Luật Thống kê công bố theo lệnh số 13/2003/L/CTN ngày 26 tháng 6 năm 2003 của chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
- Báo cáo các năm về kết quả điều tra doanh nghiệp của Cục thống kê Phú yên.
- Danh sách doanh nghiệp đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú yên.
- Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp có đóng thuế của Cục thuế tỉnh Phú yên.
- Chế độ báo cáo Thống kê của các doanh nghiệp nhà nước theo quyết định 62/2003/BKH của bộ kế hoạch đầu tư và quyết định số 156/2003/QĐ-TCTK của tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.
- Tài liệu hướng dẫn về phương án và biểu mẫu điều tra các loại hình doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê.
- Visual Foxpro toàn tập của Ông Văn Thông.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	2
Phần thứ nhất: Những vấn đề chung	4
I. Sự cần thiết phải có một trung tâm dữ liệu DN	4
II. Mục tiêu của việc xây dựng trung tâm dữ liệu DN	5
Phần thứ hai: Đánh giá thực trạng thông tin về DN	13
I. Các cơ sở dữ liệu hiện có	13
II. Nội dung thông tin về DN	14
Phần thứ ba: Đề xuất xây dựng trung tâm dữ liệu DN	26
I. Số lượng DN	27
II. Nội dung thông tin về DN	30
III. Vấn đề thu thập (cập nhật) thông tin	31
IV. Thiết lập sơ đồ mạng thông tin	36 – 37
V. Thiết lập quy trình xử lý, lưu trữ, khai thác, truyền đưa (cung cấp) thông tin	40
VI. Hiện trạng về cơ sở kỹ thuật tại Cục thống kê	44
VII. Vấn đề trang bị kỹ thuật	46
VIII. Một số vấn đề chuẩn hóa	49
IX. Một số giải pháp về công tác quản lý DN và thu thập thông tin	56
Kết luận và kiến nghị	59

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

*** * ***

BÁO CÁO

**TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI:
XÂY DỰNG TRUNG TÂM DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP
CỦA TỈNH PHÚ YÊN**

Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Thị Xinh

Cục trưởng Cục Thống kê Phú Yên

CỤC THỐNG KÊ PHÚ YÊN

Năm 2006

6149-π

30/10/06

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

BÁO CÁO

TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG TRUNG TÂM DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP CỦA TỈNH PHÚ YÊN

1. Cơ quan chủ trì: Cục Thống kê Phú Yên

2. Cơ quan quản lý: Viện khoa học Thống kê

3. *Chủ nhiệm:* Nguyễn Thị Xinh

Cục trưởng Cục Thống kê Phú Yên

4. Cán bộ phối hợp nghiên cứu:

Cao Đăng Viễn. Phó trưởng phòng thống kê Công thương

Cục thống kê Phú Yên

Cao Thanh Sơn. Chuyên viên phòng thống kê Công thương

Cục thống kê Phú Yên

CỤC THỐNG KÊ PHÚ YÊN

Năm 2006

LỜI NÓI ĐẦU

Để thực hiện định hướng chiến lược phát triển ngành Thống kê đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đưa Luật Thống kê vào cuộc sống góp phần đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ cho công nghiệp hoá và hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh Phú Yên, năm 2006 Cục Thống kê đề xuất đề tài: "Nghiên cứu xây dựng trung tâm dữ liệu doanh nghiệp tại tỉnh Phú Yên".

Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu xây dựng một trung tâm dữ liệu doanh nghiệp đảm bảo tính khoa học và tính khả thi góp phần đáp ứng nhu cầu quản lý các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Đề tài nghiên cứu đã được Viện Khoa học Thống kê Tổng cục chấp nhận hỗ trợ kinh phí và giúp đỡ về mặt nghiệp vụ. Tuy nhiên, việc xây dựng một trung tâm dữ liệu doanh nghiệp là việc làm khó khăn phức tạp và qua nhiều giai đoạn. Do vậy, trong khuôn khổ đề tài cấp cơ sở do Cục Thống kê Phú Yên chủ trì trong năm 2006 mới dừng lại ở khâu thiết kế tổng thể "hình hài" trung tâm dữ liệu doanh nghiệp làm căn cứ để tiếp tục thiết kế kỹ thuật và thiết kế thi công trung tâm trong tương lai.

Sau một thời gian triển khai nghiên cứu được sự phối hợp của cán bộ nghiệp vụ Cục thống kê Phú yên và sự giúp đỡ chân tình của Viện Nghiên cứu khoa học Thống kê, đề tài đã hoàn thành nội dung nghiên cứu được trình bày trong báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu gồm ba phần chính.

- Phần thứ nhất: Trình bày những vấn đề chung có liên quan đến trung tâm dữ liệu doanh nghiệp như: mục đích, yêu cầu, phạm vi và nhiệm vụ.

- Phần thứ hai: đánh giá thực trạng thông tin doanh nghiệp về các mặt: các cơ sở dữ liệu hiện có trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Nội dung thông tin doanh nghiệp có trong các cơ sở dữ liệu, cũng như những nhược điểm cần khắc phục trong tương lai.

- Phần thứ ba: đề xuất trung tâm dữ liệu doanh nghiệp ở tỉnh Phú Yên. Trong phần này báo cáo trình bày được xác định nội dung thông tin, một số công việc hết

sức quan trọng của trung tâm dữ liệu doanh nghiệp, cũng như các điều kiện vật chất, cán bộ và cơ chế vận hành của trung tâm trong tương lai.

Đề hoàn thành được đề tài trên, chúng tôi đã nhận được sự hỗ trợ tích cực cả kinh phí và nghiệp vụ của viện khoa học thống kê và sự phối hợp của một số cán bộ nghiệp vụ Cục thống kê Phú Yên. Cho phép tôi thay mặt nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn Viện khoa học Thống kê, các đơn vị và cá nhân có tham gia đóng góp ý kiến cho đề tài.

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI CÓ MỘT TRUNG TÂM DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP

Để quản lý tình hình hoạt động các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh nhất thiết phải nắm được thông tin hoạt động các doanh nghiệp. Quản lý nói cho cùng là quá trình nắm bắt thông tin, xử lý thông tin và từ đó đề ra quyết định. Thiếu thông tin thì không thể quản lý được.

Hiện nay tại Tỉnh Phú Yên thông tin về các doanh nghiệp đang bị phân tán ở nhiều cơ quan. Mỗi cơ quan tùy theo khả năng và yêu cầu mà có được những khối lượng thông tin nhất định về hoạt động doanh nghiệp. Các thông tin đó vừa trùng lặp, vừa thiếu, thậm chí còn mâu thuẫn với nhau. Ngay những chỉ tiêu rất cơ bản vẫn không giống nhau. Như về số lượng doanh nghiệp: Sở kế hoạch chỉ biết được số doanh nghiệp do sở cấp phép mới; còn số doanh nghiệp trung ương đóng trên địa bàn thì không biết. Ngay số doanh nghiệp được cấp phép, nhưng không đến công an làm thủ tục, cấp dấu, và ngay cấp dấu rồi nhưng vì lý do gì đó không đi vào hoạt động được cũng không ai nắm. Công an thì chỉ nắm được số đơn vị do mình cấp dấu. Cục thuế thì chỉ nắm được số đơn vị có đăng ký thuế. Còn Cục Thống kê tuy có nắm được số doanh nghiệp thực tế hoạt động, song đó là những đơn vị hạch toán độc lập; số chi nhánh, số đơn vị phụ thuộc qua một năm mới tiến hành điều tra không được cập nhập thường xuyên.

II. MỤC TIÊU CỦA VIỆC XÂY DỰNG TRUNG TÂM DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP

1. Mục tiêu:

Mục tiêu của việc xây dựng trung tâm dữ liệu doanh nghiệp là để: Phục vụ tốt hơn sự quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh cụ thể là:

- Phục vụ cho việc quản lý, chỉ đạo điều hành của các cấp lãnh đạo (Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, ~~huyện, thành ủy~~ và UBND/huyện, thành phố) đối với các doanh nghiệp tại địa bàn Tỉnh.

- Phục vụ cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý chuyên ngành có được những thông tin tốt nhất để theo dõi, phân tích, đánh giá đúng tình hình hoạt động của các doanh nghiệp tại địa bàn nhằm tham mưu cho các cấp lãnh đạo hiểu đúng thực trạng và có những quyết sách chính xác đối với các doanh nghiệp, đảm bảo tính hiệu quả cao.

- Phục vụ nhu cầu thông tin của các doanh nghiệp để hiểu rõ hơn về mình, về bạn, về môi trường và bối cảnh sản xuất, kinh doanh . . . sớm có những quyết định đúng trong hoạt động hiện tại và tương lai.

2. Yêu cầu đối với thông tin của trung tâm dữ liệu doanh nghiệp

Đối với thông tin về doanh nghiệp ở trung tâm dữ liệu phải đảm bảo những yêu cầu cơ bản: **Đầy đủ, kịp thời, thống nhất và chính xác.**

- **Đầy đủ về nội dung thông tin:** Thông tin phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý Nhà nước các cấp và tất cả các đối tượng dùng tin khác, mà trước hết là thường trực UBND Tỉnh và các cơ quan tổng hợp hoặc quản lý chuyên ngành.

- **Kịp thời** là phải đảm bảo thời gian tính trong việc thu thập và cung cấp thông tin. Thông tin phải được kịp thời phục vụ cho người dùng tin. Khi thông tin được cung cấp kịp thời thì giá trị sử dụng của thông tin sẽ được tăng lên.

- **Thống nhất** tức là thông tin phải nhất quán, không mâu thuẫn; được thu thập hợp lý và tính đúng phương pháp. Thông tin doanh nghiệp được hệ thống, lưu trữ theo chuẩn mực thống nhất.

- **Chính xác:** là phải đảm bảo độ tin cậy cần thiết, phản ánh đúng thực tế khách quan, bản chất và xu hướng phát triển của hoạt động doanh nghiệp.

Để thông tin được chính xác trước hết phải chú ý đến tính trung thực của số liệu khai báo, làm tốt công tác hạch toán ban đầu và sự nhận thức đúng đắn, thông suốt của người điều hành đơn vị.

3. Phạm vi của thông tin doanh nghiệp

Khi nói đến phạm vi thông tin là xác định giới hạn của đối tượng thu thập thông tin. Đối tượng thu thập thông tin ở đây là doanh nghiệp. Doanh nghiệp được hiểu theo nghĩa rộng là tất cả các đơn vị (tập thể) có tư cách pháp nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tạo ra giá trị và được luật pháp thừa nhận. Cụ thể gồm mấy loại hình:

- Các doanh nghiệp được lập theo luật doanh nghiệp nhà nước.
- Các đơn vị hoạt động theo luật hợp tác xã: kinh tế tập thể.
- Các doanh nghiệp được thành lập theo luật công ty (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn) và luật doanh nghiệp tư nhân.
- Các đơn vị được thành lập theo luật đầu tư nước ngoài (100% vốn nước ngoài, liên doanh và hợp tác kinh doanh).

4. Nhiệm vụ của trung tâm dữ liệu doanh nghiệp

Để đạt được những mục đích và yêu cầu đã nêu ở trên, nhiệm vụ chính của trung tâm dữ liệu doanh nghiệp là: **Thu thập, xử lý, lưu trữ, khai thác, cung cấp và cập nhật thông tin các doanh nghiệp tại địa bàn Tỉnh.**

Để tiện cho việc cập nhật thông tin phù hợp với tổ chức hiện tại của các cơ sở dữ liệu, tạm chia toàn bộ thông tin về doanh nghiệp làm 3 nhóm chính:

- Nhóm thứ nhất: Các thông tin về nhận dạng (hay còn gọi là thông tin lý lịch) doanh nghiệp.
- Nhóm thứ hai: Các thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Nhóm thứ ba: Các thông tin về kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Các thông tin được tổng hợp toàn lãnh thổ và phân tổ theo ngành kinh tế quốc dân, thành phần kinh tế, theo cấp quản lý, theo qui mô, tính chất, hiệu quả.

PHẦN THỨ HAI

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

I. CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU HIỆN CÓ:

- **Sở Kế hoạch và đầu tư:** Có cập nhật và lưu trữ các thông tin về cấp phép thành lập, đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (Công ty cổ phần, Công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân). Một số thông tin các dự án đầu tư nước ngoài. Gọi chung là thông tin về cấp phép thành lập, đăng ký kinh doanh và các thông tin sửa đổi bổ sung trong quá trình hoạt động, giải thể.

- **Cục Thống kê** có các thông tin thống kê về hoạt động của tất cả các loại doanh nghiệp quốc doanh (trung ương và địa phương), ngoài quốc doanh, và các dự án đầu tư có vốn nước ngoài đang hoạt động tại địa bàn Tỉnh được thu thập qua các chế độ báo cáo thống kê định kỳ và các cuộc điều tra theo qui định của Tổng Cục Thống kê.

- **Cục Thuế và Sở Tài chính - Vật giá** có các thông tin về tình hình tài chính doanh nghiệp được thu thập theo chế độ của Bộ Tài chính và Tổng Cục Thuế ban hành.

- Ở 9 huyện, thành phố: Phòng Thống kê, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi Cục Thuế đều có tổ chức thu thập và lưu trữ dữ liệu việc cấp phép, đăng ký kinh doanh và thống kê tình hình hoạt động các doanh nghiệp phân cấp cho huyện, thành phố quản lý.

II. NỘI DUNG THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

1.1. Số lượng doanh nghiệp:

Trên địa bàn Tỉnh Phú yên, số doanh nghiệp qua điều tra thực tế đang hoạt động trong các ngành kinh tế đến 31/12/2004 là 482 doanh nghiệp, so năm 2000 tăng 81 doanh nghiệp (Bình quân hàng năm tăng 6%), trong đó: 37 DN nhà nước, 437 DN ngoài nhà nước, 8 DN có vốn đầu tư nước ngoài

1.2. Số lao động:

Tổng số lao động hiện đang làm việc trong các doanh nghiệp trên địa bàn tại thời điểm 31/12/2004 là 28.033 người, tăng bình quân 14,4%/năm kể từ năm 2000 (4 năm tăng 11.466 người)

Trong đó :

- Doanh nghiệp nhà nước là 12.115 người, chiếm 43,2%, tăng bình quân 1,8%/năm (4 năm tăng 452 người).

- Doanh nghiệp ngoài nhà nước là 15.143 người, chiếm 54,0%, tăng bình quân 33,2%/năm (4 năm tăng 10.318 người).

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 775 người, chiếm 2,8%, tăng bình quân 100,2%/năm (4 năm tăng 696 người).

1.3. Vốn:

Tổng nguồn vốn của doanh nghiệp đến thời điểm 31/12/2004 là 3.498,7 tỷ đồng, tăng 38,5% so cùng thời điểm năm 2000; trong đó doanh nghiệp nhà nước 2.022,3 tỷ, chiếm 57,8% tổng vốn doanh nghiệp, giảm 7,7% so năm 2000. Doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 29,7% (1.038,4 tỷ đồng), gấp 3,1 lần so năm 2000. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 12,5% (437,9 tỷ đồng).

Ngành công nghiệp là ngành chiếm tỷ trọng vốn lớn nhất trong các ngành kinh tế với 1.219,8 tỷ đồng, chiếm 34,9% tổng vốn doanh nghiệp, gấp 1,75 lần so năm 2000. Tiếp đến là ngành thương nghiệp – khách sạn, nhà hàng với 1.132,6 tỷ, chiếm 32,4%, tăng 7% ; ngành xây dựng 482,9 tỷ đồng chiếm 13,8%, giảm 6,1%; ngành nông lâm thủy sản 411,6 tỷ đồng, chiếm

11,8%, giảm 26,7% ; ngành vận tải và kho bãi thông tin liên lạc 74,6 tỷ đồng, chiếm 2,1%, tăng 4,7% so năm 2000.

1.4. Kết quả kinh doanh:

Năm 2004, tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp đạt 4.556 tỷ đồng, tăng 12,5% so năm 2000, trong đó doanh nghiệp nhà nước chiếm 53,2%, giảm 25,5%; doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 40,1%, tăng 52,4%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 6,7%, gấp 3,2 lần so năm 2000.

Doanh thu thuần ngành nông lâm - thủy sản là 25,3 tỷ đồng, chiếm 0,6%, tăng 57,7%; ngành công nghiệp 1.223,5 tỷ đồng, chiếm 27,1%, tăng 76,6%; ngành xây dựng 421,3 tỷ đồng, chiếm 9,2%, tăng 19,2%; ngành thương nghiệp – KSNH 2.681,7 tỷ đồng, chiếm 58,9%, giảm 6,4%; ngành giao thông kho bãi và thông tin liên lạc 105,1 tỷ đồng, chiếm 2,3%, tăng 25,1%; các ngành dịch vụ khác 89,2 tỷ đồng, chiếm 2%, gấp 2,7 lần so năm 2000.

Trong tổng số 482 doanh nghiệp năm 2004, có 392 doanh nghiệp kinh doanh có lãi, chiếm 81,3%, Mức lãi bình quân 298,8 triệu đồng/1 DN ; có 66 doanh nghiệp kinh doanh lỗ, chiếm 13,7%, mức lỗ bình quân 619 triệu đồng/1DN.

2. Thông tin về doanh nghiệp

2.1 Thông tin nhận dạng doanh nghiệp: Đây là những thông tin đầu tiên về doanh nghiệp. Nguồn thông tin xuất phát từ việc cấp phép thành lập và đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp và các phòng Tài chính - kế hoạch huyện, Thành phố.

Sở Kế hoạch đầu tư có các thông tin nhận dạng đối với các dự án đầu tư nước ngoài do Bộ Kế hoạch đầu tư cấp phép và các doanh nghiệp ngoài nhà nước do Sở Kế hoạch đầu tư cấp phép.

Nội dung các thông tin nhận dạng ban đầu về doanh nghiệp chủ yếu gồm các chỉ tiêu sau đây:

- Tên doanh nghiệp (tên giao dịch và tên viết tắt).
- Địa chỉ văn phòng chính của doanh nghiệp: số nhà, đường phố, phường xã, huyện, điện thoại, fax, email ...
- Năm thành lập (ngày tháng năm thành lập và cơ quan cấp phép).
- Loại hình tổ chức (DN nhà nước TW, DN nhà nước địa phương, công ty TNHH nhà nước TW và địa phương, công ty cổ phần có vốn nhà nước trên 50%, DN tập thể, DN tư nhân, công ty hợp danh, công ty TNHH tư nhân, công ty cổ phần không có vốn nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước dưới 50%, DN 100% vốn nước ngoài)
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh và hoạt động thực tế (chính, phụ).
- Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (tên tuổi, giới tính, dân tộc, quốc tịch, trình độ chuyên môn, số chứng minh nhân dân, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại ...).

Nếu là công ty trách nhiệm có nhiều thành viên, hoặc công ty cổ phần thì có thêm danh sách thành viên, hay cổ đông sáng lập (họ tên, địa chỉ, số vốn góp, số cổ đông ...).

Nếu có chi nhánh, hoặc văn phòng đại diện thì có tên, địa chỉ của chi nhánh và văn phòng đại diện.

- Vốn điều lệ, hoặc vốn pháp định và số vốn mỗi bên góp (phía Việt Nam và phía nước ngoài).

2.2. Thông tin về điều kiện kinh doanh:

Các thông tin này tập trung vào mấy chỉ tiêu chính sau đây:

- Số lao động có mặt đến thời điểm 31 tháng 12 chia theo giới tính, ngành nghề hoạt động, trình độ chuyên môn v.v...

- Các thông tin về nguồn vốn và loại vốn: Vốn điều lệ, vốn đăng ký, vốn pháp định, vốn bổ sung, vốn vay ...

- Về tài sản: Có tài sản cố định, tài sản lưu động đầu kỳ và cuối kỳ. Tài sản chia theo hữu hình. Vô hình, thuê tài chính. Ngoài chỉ tiêu giá trị, tài sản còn thể hiện bằng hiện vật ở thời điểm như: Số phương tiện, số máy móc thiết bị, vật kiến trúc, sản phẩm và vật tư tồn kho v.v...

- Các khoản công nợ và liên quan đến công nợ, như các khoản phải thu, phải trả v.v...

2.3. Thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh:

- Doanh nghiệp hoạt động sản xuất công nghiệp có các chỉ tiêu: Tổng doanh thu, doanh thu sản xuất công nghiệp, doanh thu xuất khẩu, giá trị sản xuất, chi phí trung gian (chia theo yếu tố như nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, chi phí dịch vụ), giá trị tăng thêm (chia theo thu nhập của người lao động, thuế sản xuất, khấu hao tài sản cố định, lợi nhuận và các khoản khác), sản phẩm chủ yếu v.v...

- Doanh nghiệp hoạt động xây lắp có các chỉ tiêu: Tổng doanh thu, giá trị xây lắp, chi phí trung gian (chia theo yếu tố như nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, chi phí dịch vụ), giá trị tăng thêm (chia theo thu nhập của người lao động, thuế sản xuất, khấu hao tài sản cố định, lợi nhuận và các khoản khác), hạng mục công trình hoàn thành, năng lực mới tăng.

- Doanh nghiệp hoạt động vận tải, bốc xếp, bưu điện có các chỉ tiêu: sản lượng, doanh thu vận tải bốc xếp (chia theo vận tải hàng hóa, vận tải hành khách và chia theo loại hình vận tải: đường bộ, đường sông, đường biển, đường hàng không ...) giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm, mặt hàng vận tải v.v...

- Doanh nghiệp hoạt động thương mại có các chỉ tiêu: Doanh thu (tổng doanh thu, bán buôn, bán lẻ) kim ngạch xuất nhập khẩu, chi phí kinh doanh, giá trị gia tăng v.v...

- Doanh nghiệp hoạt động du lịch có các chỉ tiêu: doanh thu hoạt động du lịch, số lượng khách do các đơn vị lưu trú phục vụ (khách trong nước, khách quốc tế).

- Doanh nghiệp hoạt động nông lâm thủy sản có các chỉ tiêu: Doanh thu (trồng trọt, chăn nuôi), chi phí kinh doanh v.v...

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (theo Thông tư liên bộ 01) có các chỉ tiêu: giá trị sản xuất, tổng doanh thu, doanh thu xuất khẩu, doanh thu nội địa, sản phẩm chủ yếu, kim ngạch và mặt hàng xuất nhập khẩu trực tiếp ...

2.4. Nhược điểm của thông tin về doanh nghiệp:

- Các thông tin về doanh nghiệp được tổ chức một cách riêng lẻ, phân tán độc lập với nhau giữa các sở ngành quản lý, mang tính chất phục vụ cho công tác quản lý của từng ngành, chưa có nối kết và tập trung thông tin nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý nhà nước, từ đó dẫn đến tình hình thông tin doanh nghiệp còn chồng chéo.

- Việc thu thập thông tin doanh nghiệp xuất phát từ yêu cầu quản lý của các ngành và chưa có sự phối hợp đồng bộ, còn chồng chéo, thiếu thống nhất.

- Chất lượng thông tin còn hạn chế do công tác hạch toán ban đầu yếu kém (nhiều đơn vị không có sổ sách kế toán rõ ràng, vi phạm các qui định của kế toán và thống kê). Số liệu khai báo có khi thiếu trung thực, cố tình giấu sản lượng, giấu doanh thu. Tính toán sai phương pháp và cung cấp thông tin không kịp thời.

PHẦN THỨ BA

ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG

TRUNG TÂM DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP

Để xây dựng một trung tâm dữ liệu doanh nghiệp, cần tập trung làm tốt một số việc sau đây:

XÁC ĐỊNH NỘI DUNG THÔNG TIN:

I. Số lượng doanh nghiệp:

Đây là nội dung thông tin hàng đầu, vì không xác định được số lượng doanh nghiệp, tức là không xác định được phạm vi thu thập, tính toán của các chỉ tiêu khác. Không có được số lượng doanh nghiệp sẽ không xác định được qui mô của từng chỉ tiêu chung và theo từng loại hình doanh nghiệp.

Vì vậy cần thiết phải cập nhật số lượng doanh nghiệp hàng quý, nhằm phản ánh được biến động của doanh nghiệp một cách thường xuyên; phục vụ yêu cầu lập dàn mẫu và tính toán kết quả điều tra chọn mẫu; làm cơ sở cho việc thu thập báo cáo định kỳ và tổng điều tra, đồng thời cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho các cấp.

Đối tượng cập nhật doanh nghiệp chia làm 2 nhóm:

1. Nhóm thứ nhất: Là các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân đầy đủ (hạch toán độc lập) được thành lập theo pháp luật của Nhà nước. Cụ thể:

+ Doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo luật doanh nghiệp nhà nước được tổ chức dưới hình thức doanh nghiệp độc lập.

+ Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoạt động theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân được thành lập và hoạt động theo qui định của Luật công ty, luật doanh nghiệp tư nhân

+ Các đơn vị được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Trong đó doanh nghiệp có cổ phần nhà nước chi phối thì coi là doanh nghiệp nhà nước. Nếu không có vốn nhà nước, chỉ có vốn cổ phần tư nhân thì đưa vào nhóm công ty cổ phần ngoài nhà nước. Nếu bán cho nhiều người thì coi là Công ty trách nhiệm hữu hạn ngoài nhà nước

+ Hợp tác xã được thành lập và đăng ký kinh doanh theo Luật hợp tác xã.

2. Nhóm thứ hai: Là các đơn vị chưa đủ điều kiện hạch toán độc lập, có thể là chi nhánh, phân xưởng, cửa hàng, hay là văn phòng đại diện trong thực tế có hoạt động kinh tế. Các đơn vị này thường là một bộ phận của một doanh nghiệp hạch toán độc lập của tỉnh bạn, địa phương bạn đang hoạt động tại địa bàn tỉnh. Nếu là đơn vị phụ thuộc của một doanh nghiệp (mẹ) đóng tại tỉnh thì đã tính vào đơn vị chính.

Để thiết lập mã doanh nghiệp cần tuân thủ mấy nguyên tắc:

- Mỗi doanh nghiệp chỉ mang một mã số duy nhất trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, kể cả trường hợp đổi tên, thay đổi ngành nghề kinh doanh.

- Mã đã sử dụng chỉ được cấp một lần, không dùng lại cho doanh nghiệp khác, nếu doanh nghiệp có quyết định giải thể, hoặc chấm dứt hoạt động thì mã số đó sẽ bỏ trống. Nếu sau khi giải thể mà đơn vị có quyết định thành lập lại sẽ mang mã số khác. Hiện tượng cổ phần hóa coi như giải thể đơn vị cũ thành lập đơn vị mới.

- Mã doanh nghiệp cần phản ánh được nơi đặt văn phòng chính của doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp (để biết doanh nghiệp đó hoạt động theo luật nào của nhà nước), và số thứ tự của doanh nghiệp, doanh nghiệp đó hạch toán độc lập hay chỉ là chi nhánh, văn phòng đại diện...

Để phản ánh được các nguyên tắc trên, mã số doanh nghiệp gồm 8 chữ số và bố trí như sau:



Mã địa chỉ văn phòng

Mã loại hình

Mã số thứ tự DN

Mã địa chỉ văn phòng: Gồm 2 chữ số, chỉ tỉnh nơi văn phòng chính của đơn vị đặt trụ sở. Mã tỉnh ghi theo quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 8 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng chính phủ .

Mã loại hình doanh nghiệp: Mã loại hình doanh nghiệp có 2 chữ số từ 01 đến 14. Trong đó:

- Doanh nghiệp nhà nước trung ương : 01
- DN nhà nước địa phương : 02
- Công ty TNHH nhà nước trung ương :03
- Công ty TNHH nhà nước địa phương : 04
- Công ty cổ phần có vốn nhà nước trên 50% :05
- DN tập thể (Hợp tác xã): 06
- Dn tư nhân : 07
- Công ty hợp danh :08
- Công ty TNHH tư nhân : 09
- Công ty cổ phần không có vốn nhà nước :10
- Công ty cổ phần có vốn nhà nước $\leq 50\%$:11
- DN 100% vốn nước ngoài : 12
- DN nhà nước liên doanh với nước ngoài : 13
- DN khác liên doanh với nước ngoài :14

Mã số thứ tự doanh nghiệp:

Mã số thứ tự doanh nghiệp được đánh từ 0.001 đến tối đa 9.999. Đây là số thứ tự xếp theo thời gian thành lập doanh nghiệp trong mỗi nhóm loại hình tổ chức kinh doanh và nơi văn phòng chính của doanh nghiệp trú đóng theo qui định ở trên.

+ Nếu thêm mã ngành nghề kinh doanh đến cấp 4 có 4 chữ số của hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân ban hành theo Nghị định số 75/CP ngày 27 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ và Quyết định số 143/TCTK/PPCĐ ngày 22 tháng 12 năm 1993 của Tổng cục trưởng Tổng Cục Thống kê thì mã doanh nghiệp sẽ có tất cả 12 chữ số. Mã ngành nghề kinh doanh để sau mã địa chỉ văn phòng và loại hình doanh nghiệp.

II. Nội dung thông tin về doanh nghiệp:

Nội dung thông tin về doanh nghiệp đã trình bày khá kỹ ở phần thực trạng nội dung thông tin về doanh nghiệp

Nội dung đó về cơ bản là phong phú, khá đủ và toàn diện. Vấn đề đặt ra chính không phải là đề xuất thêm chỉ tiêu, mà cần khắc phục mấy tồn tại lớn:

+ Chất lượng thông tin còn kém về độ tin cậy, tính kịp thời và chưa thống nhất (hiểu về nội dung và phương pháp). các cơ quan thu thập thông tin thiếu phối hợp, nên có một số khá lớn chỉ tiêu nội dung giống nhau, nhưng do cách thu thập và tính toán khác nhau dẫn đến kết quả khác nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau.

+ Chỉ tiêu số lượng thì nhiều, nhưng chỉ tiêu sâu về chất lượng còn ít, đặc biệt là các chỉ tiêu phản ảnh trình độ công nghệ, năng lực tay nghề của người lao động, hiệu quả kinh doanh v.v...

III. Vấn đề thu thập (cập nhật) thông tin:

1. Sở Kế hoạch đầu tư: cập nhật giấy cấp phép của 3 loại hình đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (hợp tác xã, công ty cổ

phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân) và các doanh nghiệp quốc doanh do địa phương quản lý. Đồng thời cập nhật luôn tình trạng thay đổi địa chỉ, bổ sung vốn pháp định, điều lệ v.v...

2. Cục thuế và các chi cục thuế: Thu thập từ tờ khai đăng ký thuế và các danh bạ doanh nghiệp, tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách của các doanh nghiệp.

3. Sở Tài chính - Vật Giá: Thu thập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn.

4. Thông tin ở các ngân hàng: Có một số thông tin cơ bản, mà chủ yếu là các thông tin liên quan đến việc sử dụng vốn vay của ngân hàng, giúp cho Ngân hàng theo dõi độ an toàn của vốn vay và khả năng hoàn vốn của các doanh nghiệp có quan hệ với ngân hàng. Các thông tin có được khi doanh nghiệp có quan hệ với ngân hàng, làm thủ tục vay vốn từ ngân hàng. .

5. Cục Thống kê Tỉnh: Các thông tin về kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Nó bao gồm cả 2 phần: Điều kiện hoạt động và kết quả sản xuất. Điều kiện hoạt động bao gồm: lao động, vốn tài sản, máy móc thiết bị... Kết quả sản xuất gồm các chỉ tiêu về giá trị sản xuất, doanh thu, kim ngạch xuất nhập khẩu v.v...

5.1. Báo cáo thống kê: Báo cáo thống kê áp dụng để thu thập thông tin thường kỳ của các doanh nghiệp nhà nước theo quyết định 62/2003/BKH của Bộ trưởng bộ kế hoạch và đầu tư và quyết định số 156/2003/QĐ-TCTK của Tổng cục trưởng tổng cục thống kê; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (áp dụng theo mẫu riêng).

Chế độ báo cáo của các doanh nghiệp nhà nước chia theo ngành hoạt động, mỗi ngành hoạt động có một chế độ báo cáo riêng:

+ Báo cáo Tháng, quý :

Hoạt động công nghiệp: 01a/CS về báo cáo hoạt động sản xuất công nghiệp gồm: Giá trị sản xuất công nghiệp, doanh thu và sản phẩm chủ yếu, mỗi tháng báo cáo một lần vào ngày 12.

*** Hoạt động xây dựng:** (Tư vấn khảo sát, thiết kế, xây lắp nhận thầu)

01c/CS: báo cáo hoạt động xây dựng, khảo sát, thiết kế, qui hoạch xây dựng, mỗi tháng báo cáo một lần vào ngày 12.

*** Về vận tải và bưu điện:**

01g/cs : Báo cáo hoạt động vận tải, bốc xếp, dịch vụ đại lý vận tải gồm doanh thu thuần, thuế tiêu thụ phát sinh, sản lượng vận tải hành khách, hàng hóa và bốc xếp, mỗi tháng báo cáo một lần vào ngày 12.

*** Hoạt động thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ:**

01 d/CS: Báo cáo hoạt động thương nghiệp, khách sạn nhà hàng du lịch và dịch vụ, mỗi tháng báo cáo một lần vào ngày 12.

01 e/CS và 01f/CS Báo cáo hoạt động xuất khẩu hàng hóa và hoạt động nhập khẩu hàng hóa, mỗi tháng báo cáo một lần vào ngày 12.

*** Hoạt động xổ số kiến thiết :**

01k/CS Báo cáo hoạt động xổ số kiến thiết, bao gồm : doanh thu thuần, chi phí trả thưởng, thuế VAT phát sinh phải nộp.

+Báo cáo 6 tháng và năm:

- 02/CS báo cáo 6 tháng về lao động và thu nhập của người lao động trong tất cả các doanh nghiệp nhà nước, báo cáo vào ngày 20/7.

- 03a/CS Báo cáo năm hoạt động sản xuất kinh doanh trong tất cả các doanh nghiệp nhà nước, báo cáo vào ngày 28/2 năm sau

- 03b/CS Báo cáo năm diện tích, năng xuất sản lượng cây lâu năm đối với doanh nghiệp có hoạt động trồng cây lâu năm, vào ngày 25/1 năm sau.

- 03c/CS Báo cáo năm số lượng và sản phẩm gia súc gia cầm chăn nuôi đối với doanh nghiệp có hoạt động chăn nuôi, vào ngày 20/8.

- 03d/CS Báo cáo năm hoạt động xuất khẩu hàng hóa đối với doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu hàng hóa, ngày 28/2 năm sau.

- 03e/CS Báo cáo năm hoạt động nhập khẩu hàng hóa đối với doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu hàng hóa, ngày 28/2 năm sau.

5.2. Điều tra Thống kê: Đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước, số liệu thu thập qua điều tra.

Các thông tin nhanh hàng tháng, quý, 6 tháng và năm mà Cục Thống kê tỉnh có được về doanh nghiệp để cung cấp cho các cấp lãnh đạo, hầu hết là dùng hình thức tổng hợp theo kiểu vừa thu thập theo báo cáo đối với các doanh nghiệp nhà nước vừa thu thập qua điều tra đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Đối với doanh nghiệp hạch toán độc lập hàng năm tiến hành lập danh sách và điều tra các doanh nghiệp thực tế có hoạt động gồm đầy đủ các chỉ tiêu về lý lịch doanh nghiệp và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm trước của doanh nghiệp. Đối với các đơn vị chi nhánh được phản ánh đầy đủ qua 5 năm một lần như: Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2002 và sắp tới là Tổng điều tra năm 2007. Khi điều tra toàn diện, phải lưu ý đến phạm vi của thông tin, không được để sót bất cứ đơn vị nào.

IV. Thiết lập sơ đồ mạng (đường đi) thông tin

K^o co' trang 20

Đường đi của thông tin doanh nghiệp trước và sau khi có trung tâm dữ liệu sẽ có những điểm khác nhau chính như sau:

- **Thông tin đầu vào** tức là doanh nghiệp đến các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trước đây không có sự phân công rõ ràng, cơ quan nào cũng muốn mình có thật nhiều thông tin về doanh nghiệp, nhiều nội dung trùng lặp. Khi có được trung tâm dữ liệu doanh nghiệp, các cơ quan có sự phân công lại:

+ **Sở Kế hoạch đầu tư:** Cập nhật và cung cấp cho trung tâm các thông tin ban đầu khi cấp phép đăng ký kinh doanh, các thông tin lý lịch của các doanh nghiệp: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

+ **Sở Tài chính:** Cập nhật và cung cấp cho trung tâm các thông tin tài chính của các đơn vị nhà nước địa phương.

+ **Cục thuế Tỉnh và các chi cục thuế huyện, thành phố:** cập nhật và cung cấp cho trung tâm dữ liệu toàn bộ thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh (từ nhận dạng, đến điều kiện sản xuất và kết quả) của tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, theo thông tin tờ khai đăng ký thuế.

+ **Cục thống kê Tỉnh và các phòng thống kê huyện, thành phố :** Cập nhật và cung cấp cho trung tâm dữ liệu thông qua chế độ báo cáo và điều tra thống kê. Đây là cơ quan duy nhất trong hệ thống mạng được giao trách nhiệm tổ chức các cuộc điều tra thu thập thông tin về doanh nghiệp để bổ sung các thông tin còn thiếu do khiếm khuyết của các chế độ báo cáo.

Thông tin về doanh nghiệp hiện nay tập trung ở 2 cơ quan chính là Cục thuế và Cục Thống kê. Các cơ quan khác tuy cũng có một phần thông tin doanh nghiệp, song không đầy đủ phạm vi địa bàn và cũng trùng trong khối thông tin mà Cục thuế và Cục Thống kê đã có. Nói như vậy để thấy đúng nguồn thông tin, có biện pháp tập trung ưu tiên đúng chỗ khai thác tối đa nguồn thông tin về doanh nghiệp mà hai cơ quan này có.

Tất cả các thông tin về doanh nghiệp phải được kiểm sửa, làm sạch tại các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trước khi nạp về trung tâm dữ liệu. Cụ thể: Các thông tin về doanh nghiệp được thu thập qua chế độ báo cáo và điều tra thống kê sẽ được xử lý, tổng hợp tại trung tâm. Đối với các thông tin do sở ngành, huyện quản lý, thu thập thì sở ngành, huyện có trách nhiệm kiểm sửa, xử lý trước khi chuyển về trung tâm dữ liệu.

- **Về thông tin đầu ra:** Trước khi có trung tâm dữ liệu doanh nghiệp đầu ra của các cơ sở dữ liệu chuyên ngành là tùy thuộc vào yêu cầu của cấp chủ quản và Lãnh đạo địa phương, thông tin đầu ra chưa qua kiểm chứng thống nhất, nên cùng một nội dung có khi số liệu lại khác nhau, Cùng một chỉ tiêu nhưng nhiều cơ quan sử lý, tốn kém mà chất lượng hạn chế, kém hiệu quả. Sau khi thành lập trung tâm dữ liệu tất cả thông tin đầu ra đều phải qua kiểm chứng, loại trừ mọi bất hợp lý, đảm bảo tính thống nhất cao, tránh được trường hợp mỗi cơ quan công bố một con số. Tất cả thông tin đầu ra đều xuất phát từ một nguồn, đó là Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp.

Sản phẩm đầu ra của thông tin về doanh nghiệp phải được đa dạng hóa bằng nhiều hình thức: các bảng số liệu, ấn phẩm phân tích, đĩa mềm, CD, hoặc qua mạng máy tính. Trước hết được nối với các cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân Tỉnh. Các cơ quan này cần **được ưu tiên cung cấp toàn bộ nội dung thông tin về doanh nghiệp** đang lưu trữ tại trung tâm dữ liệu.

Thủ trưởng các sở ban ngành, các huyện thành phố được phân cấp quản lý doanh nghiệp, có cơ sở dữ liệu chuyên ngành tham gia nối mạng với trung tâm dữ liệu, được quyền khai thác các thông tin doanh nghiệp cần thiết theo chức năng quản lý nhà nước.

Các đối tượng dùng tin khác được trung tâm dữ liệu cung cấp thông tin thực hiện đúng theo luật thống kê đã ban hành.

V. Thiết lập qui trình xử lý, lưu trữ, khai thác truyền đưa (cung cấp) thông tin

- Về đối tượng thu thập thông tin: Là các doanh nghiệp (doanh nghiệp nhà nước trung ương và địa phương; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các hợp tác xã và doanh nghiệp ngoài nhà nước).

- Về nội dung thông tin kết hợp với quá trình hình thành và hoạt động của doanh nghiệp, cũng chia làm hai phần: Thông tin cấp phép và thông tin khi các doanh nghiệp đã vào hoạt động. Trong đó thông tin sau cấp phép, đặc biệt là thông tin về tài chính doanh nghiệp cần được chú trọng cập nhật, hệ thống và cung cấp kịp thời.

- Về nguồn thông tin (cơ sở dữ liệu ban đầu) Về thông tin cấp phép tập trung ở Sở Kế hoạch đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp, Phòng Tài chính – kế hoạch các huyện, thành phố.

Thông tin sau cấp phép của doanh nghiệp, đây là khối thông tin lớn nhất tập trung ở hai cơ quan Cục thuế (tài chính doanh nghiệp) và Cục Thống kê (thông tin về nhận dạng và kết quả hoạt động).

Từ thực tế đó chúng tôi đề nghị: Trong giai đoạn đầu cần tập trung củng cố và tăng cường 3 cơ sở dữ liệu chuyên ngành là Sở Kế hoạch đầu tư - Cục thuế và Cục Thống kê; nối 3 cơ sở này với trung tâm dữ liệu doanh nghiệp theo qui trình và phân công như sau:

1. Sở kế hoạch đầu tư: Là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc cập nhật, hệ thống và cung cấp cho trung tâm dữ liệu doanh nghiệp những thông tin ban đầu về cấp phép thành lập các doanh nghiệp.

Hồ sơ đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp ngoài nhà nước như: doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần ..

Hồ sơ đăng ký bổ sung thay đổi: tên doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, thay đổi người đại diện pháp

luật của doanh nghiệp, thay đổi vốn đầu tư và thông báo tạm ngưng hoạt động của doanh nghiệp.

Các hồ sơ đăng ký trên sau khi được cập nhật đầy đủ vào máy tính theo chương trình thống nhất, định kỳ một tháng một lần, các dữ liệu truyền về trung tâm dữ liệu doanh nghiệp.

2. Cục Thuế tỉnh: Là cơ quan chủ trì báo cáo tài chính doanh nghiệp, theo qui định báo cáo tài chính qui áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, báo cáo năm áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp.

3. Cục Thống kê: Chịu trách nhiệm cập nhật các số liệu về nhận dạng và kết quả hoạt động (từ các chỉ tiêu tài chính) của doanh nghiệp cụ thể là :

- Lưu trữ, tổng hợp, và truyền về trung tâm dữ liệu toàn bộ báo cáo chính thức 6 tháng và năm của các loại hình doanh nghiệp, trong đó cục thống kê trực tiếp thu thập, xử lý số liệu của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các phòng thống kê huyện, thành phố thu thập, xử lý số liệu các doanh nghiệp ngoài nhà nước. Các số liệu trên được truyền về trung tâm dữ liệu theo lịch trình qui định.

- Theo định kỳ : tổ chức các cuộc điều tra toàn diện và mẫu về kết quả hoạt động của doanh nghiệp để bổ sung các thông tin còn thiếu, đảm bảo nội dung thông tin về doanh nghiệp toàn diện, đầy đủ, hệ thống, có độ tin cậy cao, đáp ứng được công tác quản lý doanh nghiệp và người dùng tin.

- Cục thống kê có trách nhiệm truyền về trung tâm để đưa lên mạng các thông tin tổng hợp nhanh và dự báo kết quả hoạt động của doanh nghiệp hàng tháng, quý, năm kịp thời phục vụ yêu cầu lãnh đạo tỉnh và các cơ quan chức năng.

4. Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp

Trung tâm thiết lập qui trình tiếp nhận, xử lý, lưu trữ, khai thác và truyền đưa thông tin.

4.1. Tiếp nhận và xử lý thông tin: Trong giai đoạn đầu trung tâm dữ liệu doanh nghiệp tập trung tiếp nhận dữ liệu của 3 cơ quan Sở kế hoạch và đầu tư, Cục thuế tỉnh và Cục thống kê tỉnh. Từ đó rút kinh nghiệm từng bước nối mạng tiếp với các sở quản lý chuyên ngành như : Sở thương mại du lịch, sở công nghiệp, ban quản lý các khu công nghiệp, các huyện, thành phố.

Trung tâm tiếp nhận thông tin của Sở kế hoạch đầu tư, Cục thuế , Cục thống kê qua mạng WAN, theo đường truyền của UBND tỉnh đã kết nối với các cơ quan.

Thông tin của các cơ sở dữ liệu chuyên ngành chuyển về trung tâm có thể là thông tin thô(ban đầu chưa tổng hợp) hoặc thông tin đã qua tổng hợp sơ bộ theo chương trình tương thích với trung tâm, nhưng nhất thiết tất cả phải được làm sạch, đã được cán bộ nghiệp vụ kiểm tra về tính trung thực với tính logic hợp lý của số liệu. Các cơ quan chuyên môn phải chịu trách nhiệm về chất lượng của số liệu trước khi chuyển về trung tâm.

Xây dựng phân mềm cập nhật CSDL :

- Trung tâm nghiên cứu xây dựng giải pháp và chương trình phân mềm(Module) cho phù hợp với điều kiện thực hiện của đơn vị. Chương trình cập nhật có các chức năng chính:

+Module 1- Chuyển dạng : Chuyển các mẫu tin từ cấu trúc CSDL đã có và đang sử dụng tại các cơ quan kết nối , mã hóa thông tin của đơn vị cho phù hợp với cấu trúc CSDL, mã hóa thông tin về doanh nghiệp của trung tâm.

+Module 2: Chuyển giao và tiếp nhận :

Sau khi dữ liệu được các đơn vị kết nối cung cấp theo qui trình tháng, quý, năm được truyền trực tiếp các dữ liệu đã được chuyển dạng về trung tâm dữ liệu doanh nghiệp.

+Module 3 : Tiếp nhận kiểm tra và cập nhật: Thực hiện kiểm tra dữ liệu đưa vào có trùng lặp với số cũ hay không? có đầy đủ thông tin không, có thỏa mãn các tiêu chuẩn để cập nhật biến động hay không?. Sau khi kiểm tra đầy đủ thông tin sẽ cập nhật vào dữ liệu chung để quản lý và tổng hợp.

4.2. Qui trình lưu trữ :

Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, đảm bảo tính an toàn và bảo mật.

Trung tâm không lưu trữ thông tin dạng đặc thù theo chuyên ngành.

4.3. Qui trình khai thác cung cấp thông tin.

Việc khai thác, cung cấp thông tin tại trung tâm(thông tin đầu ra) thực hiện theo qui định :

- Lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh được khai thác và cung cấp toàn bộ thông tin về doanh nghiệp đang lưu trữ tại trung tâm.

- Thủ trưởng các sở ban ngành, huyện đơn vị được phân cấp quản lý doanh nghiệp có quyền khai thác thông tin doanh nghiệp cần thiết để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chức năng và nhiệm vụ.

- Mức độ phạm vi thông tin khai thác và cung cấp :

+ Thông tin chi tiết về doanh nghiệp : Sở ban ngành huyện có quyền khai thác thông tin chi tiết về doanh nghiệp trong phạm vi mình quản lý

+ Thông tin tổng hợp về doanh nghiệp : Sở ban ngành, huyện được quyền khai thác thông tin tổng hợp theo phạm vi quản lý về doanh nghiệp được phân cấp cho sở ban ngành, huyện.

+ Khi cung cấp thông tin cho mọi đối tượng sử dụng thì người dùng tin phải gửi yêu cầu, mục đích khai thác thông tin về doanh nghiệp với trung tâm, trong văn bản yêu cầu, nêu rõ nhu cầu (hoặc biểu thiết kế, chi tiết nội dung cần khai thác, mức độ phạm vi thông tin khai thác, dạng chuyển giao thông tin cung cấp, thời gian nhận kết quả)

4.4. Quy trình khai thác tại các đơn vị cơ sở :

Quy trình áp dụng cho các đơn vị, cơ sở được lưu trữ CSDL hoặc nối kết mạng vào trung tâm để truy xuất cơ sở dữ liệu doanh nghiệp.

Bộ phận quản trị dữ liệu thực hiện việc phân quyền và kiểm tra việc truy xuất của các đơn vị, như đăng ký tên người, mật khẩu...theo phân quyền được cấp, các chức năng được quyền sử dụng.

Bộ phận khai thác và giao nhận sẽ tiến hành liên hệ và cài đặt lại các chức năng khai thác đối với các đơn vị có lưu trữ CSDL về doanh nghiệp.

- Các đơn vị kết nối với trung tâm được quyền khai thác thông tin doanh nghiệp thuộc phạm vi mình quản lý, có thể tự lập trình và khai thác các thông tin trên CSDL doanh nghiệp thuộc phân quản lý của đơn vị. Việc thiết kế, xây dựng chương trình chức năng khai thác thông tin sẽ tuân thủ theo qui định cụ thể của Trung tâm nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất qui chế. Khai thác, cung cấp thông tin; đảm bảo an toàn và bảo mật của hệ CSDL về doanh nghiệp.

VI. Hiện trạng về cơ sở kỹ thuật tại cục thống kê.

1. Máy chủ (Server): 3 máy, trong đó: Một máy mạng, một máy xử lý và một máy dữ liệu.

Năng lực 1 máy chủ: 256 Mb RAM, 40 Gb HDD.

Tổng dung lượng đĩa: 40 Gb

2. Máy trạm tại văn phòng cục: 19 máy, chủ yếu dùng trong công việc tác nghiệp của Cục và xử lý các cuộc điều tra.

3. Mạng cục bộ: Mạng hình sao, trục chính thông lượng 100 Mbps, các trạm 10 Mbps.

4. Phần mềm hệ thống:

- Hệ điều hành: Windows Server 2003

- CSDL: Foxpro

- Lập trình: Visual Foxpro.

5. Hiện trạng CSDL:

- Đã có thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua 6 năm (Từ năm 2000 đến năm 2005) trong máy tính (trên nền Foxpro).

Phòng Thống kê Huyện, Thành phố:

- 9 Phòng Thống kê Huyện đều có trang bị máy tính : 2máy/đơn vị.

- Tổng số: khoảng 18 máy tính.

- Các huyện đều có modem để truyền, nhận dữ liệu.

- Một số Huyện có lưu trữ thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp ngoài quốc doanh) trên nền Foxpro, Excel.

- **Đội ngũ lao động tham gia thu thập xử lý thông tin doanh nghiệp:**

Đội ngũ thu thập thông tin:

Đội ngũ thu thập thông tin về doanh nghiệp tại địa bàn tỉnh hiện nay có 4 loại chính:

- Cán bộ chuyên nghiệp được đào tạo chuyên ngành tập trung ở ngành thống kê. Tại Văn phòng Cục có 20 người, ở 9 huyện có 36 người, tổng số 56 người. Số này tất cả đều được đào tạo chính qui có trình độ đại học 59% . Hầu hết có thời gian công tác thực tế trên 5 năm.

- Nhóm thứ hai chiếm đa số là cán bộ quản lý chuyên ngành (tài chính, thuế, kế hoạch ...) theo dõi doanh nghiệp về nghiệp vụ, kết hợp làm thêm việc thu thập thông tin có liên quan để giúp cho việc quản lý nhà nước về lĩnh vực mà ngành mình quản lý.

- Nhóm thứ ba là những người làm kế toán, thống kê tại các doanh nghiệp, làm các việc ghi chép ban đầu, lập biểu báo cáo . . . Phần lớn mỗi doanh nghiệp lớn có từ 1 đến 2 người, những đơn vị nhỏ (doanh nghiệp tư nhân) một kế toán kiêm 2-3 đơn vị, hoặc một người kiêm nhiều phần việc khác nhau (kế toán, thống kê . . .).

- Nhóm thứ tư là những điều tra viên được tập huấn ngắn hạn tham gia thu thập thông tin theo yêu cầu của từng cuộc điều tra.

Đội ngũ xử lý tin:

Tại Cục Thống kê:

- Đội ngũ kiểm tra, xử lý và nhập tin: khoảng 15 kỹ thuật viên.
- Đội ngũ lập trình, xây dựng CSDL: 3 kỹ sư phần mềm.
- Đội ngũ bảo trì hệ thống mạng máy tính: 2 kỹ sư phần cứng.
- Đội ngũ thiết kế thông tin đầu ra, kiểm tra kiểm soát nội dung thông tin v.v. . . (chuyên viên Cục Thống kê).

VII. Vấn đề trang bị kỹ thuật

Về khối lượng:

- Xác định khối lượng thông tin và phạm vi thu thập, cung cấp thông tin bằng hệ thống máy tính.

- Xác định khối lượng công việc, khả năng triển khai trên các nền công cụ phần mềm.

Về chủng loại:

- Các thiết bị phân cứng như: máy chủ, máy tính, thiết bị mạng cục bộ, thiết bị mạng WAN ...

- Hệ thống viễn thông, đường truyền của UBND tỉnh

- Trang bị các sản phẩm phần mềm hệ thống căn bản như hệ điều hành, hệ quản trị CSDL, các phần mềm lập trình, khai thác v.v...

- Xây dựng các phần mềm ứng dụng cụ thể như xây dựng CSDL, xây dựng các chương trình nhập, xuất dữ liệu...

+ Mô hình tổng thể hạ tầng kỹ thuật mạng-máy tính:

- Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp:

Là vị trí lưu trữ và điều hành tất cả các luồng thông tin về doanh nghiệp. Do đó, tại Trung tâm có khả năng về thiết bị phân cứng, mạng và các phần mềm hệ thống đủ mạnh để có thể phục vụ đáp ứng các yêu cầu trước mắt và trong tương lai.

Hệ thống phân cứng dự kiến được xây dựng theo công nghệ Client-Server

Gồm : Hệ thống máy chủ:

+ 3 Server CSDL:

- 1 Server: Các CSDL hiện hành

- 1 Server backup và CSDL lịch sử.

- 1 Server: Các CSDL kết xuất thông tin, chức năng là WEB Server.

+ 1 Server: chức năng kết nối với các Server bên ngoài như:

- Tiếp nhận cập nhật với CSDL chuyên ngành.

- Tiếp nhận cập nhật với CSDL huyện.

- Trao đổi cập nhật với hệ thống Lưu trữ.

+ 1 Server: gồm các hệ thống phần mềm ứng dụng, xử lý tính toán, chức năng là Application Server.

+ Hệ thống máy tính điều hành, quản trị, khai thác:

+ **Khối lượng thông tin thu thập ban đầu:**

CSDL về lý lịch doanh nghiệp:

- Nối kết CSDL về đăng ký doanh nghiệp ngoài nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài từ Sở Kế hoạch đầu tư.

- Nối kết CSDL về đăng ký thuế và tài chính DN, các báo cáo quyết toán tài chính quý, năm từ Cục thuế tỉnh.

CSDL về năng lực sản xuất kinh doanh từ Cục Thống kê tỉnh:

- Nối kết CSDL về sản xuất kinh doanh doanh nghiệp theo các ngành Công nghiệp, Thương nghiệp, Xây dựng cơ bản, Giao thông vận tải, Nông lâm, Đầu tư nước ngoài.

- Nối kết CSDL về điều tra doanh nghiệp từ năm 2001 đến 2006

Phương thức chuyển giao thông tin:

- Sở Kế hoạch đầu tư : Định kỳ cập nhật hàng tháng, bằng đường modem.

- Cục thuế : Định kỳ cập nhật hàng quý, bằng đường modem.

- Cục Thống kê : Định kỳ cập nhật hàng tháng, quý bằng hệ thống mạng cục bộ.(Nếu trung tâm dữ liệu đặt tại Cục thống kê), hoặc bằng đường modem.

Nội dung và Phương thức khai thác cung cấp thông tin:

Nội dung thông tin cung cấp:

- Truy vấn thông tin chi tiết từng doanh nghiệp.

- Tổng hợp phân tích tình hình doanh nghiệp trên địa bàn, theo ngành kinh tế quốc dân v.v...

Phương thức cung cấp:

- Bảng WEB:

Các nội dung thông tin tổng hợp.

Tra cứu thông tin chi tiết doanh nghiệp: phục vụ lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

VIII. Một số vấn đề cần chuẩn hóa

1. Chuẩn hóa về các khái niệm:

Trong các khái niệm có liên quan đến thông tin về doanh nghiệp cần chuẩn hóa, điều quan trọng là phải thống nhất về nội dung và phạm vi của từng khái niệm được dùng. Tất cả các khái niệm đó phải được hiểu theo chuẩn mực quốc gia. Nếu không có chuẩn mực quốc gia thì phải được hiểu theo những qui ước thống nhất đã được thỏa thuận, không được tự đưa ra những khái niệm, mà không có giải thích rõ ràng và khác với các chuẩn mực đã có.

2. Chuẩn hóa về phương pháp:

Ở đây chỉ đề cập đến hai phương pháp chính có liên quan đến các chỉ tiêu về doanh nghiệp là: - Phương pháp thu thập thông tin; và Phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê.

2.1. Về phương pháp thu thập thông tin: Phương pháp thu thập thông tin khác nhau thì kết quả thông tin có được cũng khác nhau. Hình thức thu thập thông tin chủ yếu hiện nay là: chế độ báo cáo và điều tra thống kê. Thu thập thông tin qua chế độ báo cáo có nhiều cơ quan làm, mà nhiều nhất là Cục Thống kê, Cục thuế và Sở Tài chính, Sở Kế hoạch, nhưng phạm vi hẹp và số lần cũng ít. Còn điều tra thống kê tập trung chính là ở Cục Thống kê,

về pháp lý đây là cơ quan chính thức để làm việc này. Ở đây có một đội ngũ cán bộ nghiệp vụ được huấn luyện tốt, tay nghề khá và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn.

2.2. Về phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê:

Các chỉ tiêu phản ảnh hoạt động của doanh nghiệp, nội dung đó rất phong phú, rất nhiều chỉ tiêu. Mỗi chỉ tiêu đều có nội dung, ý nghĩa, mục đích, yêu cầu và phương pháp tính toán riêng. Điều đáng nói là hiện nay phương pháp tính toán nhiều chỉ tiêu quan trọng của doanh nghiệp vẫn còn nhiều chỗ chưa thống nhất (mỗi nơi qui định một khác), hoặc chưa hợp lý. Ví dụ như chỉ tiêu giá trị sản xuất ở một doanh nghiệp có nhiều hoạt động kinh tế khác nhau thì có nhiều qui định cách tính không thống nhất:

- Theo TCTK qui định *lấy việc hạch toán làm chuẩn*: Nếu hạch toán riêng thì tính vào ngành tương ứng; còn hạch toán phụ thuộc thì tính vào ngành sản xuất chính.

Trên đây là một ví dụ về những qui định không thống nhất trong tính giá trị sản xuất ở một doanh nghiệp, điều đó đặt ra là phải thống nhất (chuẩn hóa) cách tính toán các chỉ tiêu của doanh nghiệp .

3. Chuẩn hóa hệ thống danh mục:

Đây là vấn đề rất hệ trọng, cần chú ý đến tính khoa học và thực tiễn. Đồng thời nghiêm cấm mọi hiện tượng tùy tiện đưa ra các mã số khác với qui định chung, không bảo đảm được tính thống nhất cao trong sử dụng.

- **Mã số doanh nghiệp**: Hiện nay chưa có mã số doanh nghiệp thống nhất theo qui định dùng chung cho các ngành. Hiện có hai loại mã số:

- Mã số đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư cấp;
- Mã số thuế do ngành Thuế cấp.

Các doanh nghiệp thường xuyên thay đổi mã số thuế cũng như mã đăng ký kinh doanh, nên không quản lý được về lý lịch doanh nghiệp qua các năm.

- Ngoài danh mục, một số vấn đề khác cũng cần lưu ý chuẩn hóa, như đơn vị tính ... Đơn vị tính dùng không thống nhất dễ dẫn đến nhầm lẫn trong xử lý, đặc biệt xử lý bằng máy, hậu quả là sai số lớn.

4. Các vấn đề chuẩn hóa về kỹ thuật:

4.1. Nhu cầu chuẩn hóa:

- Nhu cầu chuẩn hóa khi có nhu cầu cùng hiểu, trao đổi lẫn nhau hay nói cách khác có cùng 1 ngôn ngữ chung để:

Cùng kết nối chung; dẫn đến chuẩn hóa đầu vào.

Hoặc cùng khai thác, sử dụng; dẫn đến chuẩn hóa đầu ra.

Các mức chuẩn hóa:

Việc xây dựng CSDL có nhiều lớp cần phải khớp nhau, trao đổi dữ liệu cho nhau; tối thiểu cần những lớp sau:

- *Lớp thông tin mức nghiệp vụ:*

▪ Là những khái niệm của bộ phận quản lý nghiệp vụ sử dụng trong công tác hàng ngày, cách tính toán và xử lý cung cấp ra thông tin kết quả v.v...

- *Lớp cấu trúc hóa logic:*

▪ Là cách đặt tên những khái niệm của nghiệp vụ và mô hình các khái niệm bên ngoài trước khi chuyển sang dạng lưu trữ trên máy tính;

- *Lớp mô hình cơ sở dữ liệu:*

▪ Có rất nhiều loại mô hình cơ sở dữ liệu, về lý thuyết cũng như về sản phẩm cài đặt cụ thể;

Thí dụ: theo mô hình tập tin, mô hình quan hệ, mô hình mạng, mô hình hướng đối tượng ...

Chuẩn hóa mức hạ tầng công nghệ phần mềm:

Như trên hệ điều hành UNIX, hoặc Windows NT hoặc DOS v.v...

Chuẩn hóa mức kết nối mạng viễn thông

Chuẩn hóa mức phần cứng máy tính

Giải pháp chuẩn hóa:

Các Sở Ngành sử dụng ngôn ngữ nghiệp vụ phục vụ công tác chuyên ngành quản lý tương tự như nhiều dân tộc sử dụng các ngôn ngữ khác nhau để cùng diễn đạt về 1 khái niệm. Giải pháp trong ngôn ngữ là dùng 1 ngôn ngữ chung, rồi dịch từ ngôn ngữ đặc thù sang ngôn ngữ chung. Tương tự, *giải pháp đề xuất là xây dựng các chương trình chuyển khái niệm chuyên biệt của Sở Ngành sang một khái niệm chung là khái niệm được thiết kế và cài đặt làm CSDL về doanh nghiệp.*

Vấn đề: Các Sở Ngành cung cấp định nghĩa các khái niệm 1 cách chính xác rõ ràng, từ đó là cơ sở để xây dựng các chương trình dịch (chuyển đổi khái niệm) về khái niệm chung.

Qui trình thực hiện:

- Các đơn vị cung cấp định nghĩa khái niệm (liên quan đến thông tin thu thập như các định nghĩa trên tờ khai đăng ký kinh doanh, cách phân loại v.v...)

- Thiết kế cấu trúc dữ liệu và CSDL tương ứng với các khái niệm đặc thù của Sở Ngành.

- Thiết kế và xây dựng chương trình dịch từ cấu trúc và CSDL (tương ứng) sang cấu trúc và CSDL chung (của Trung tâm) được thiết kế và xây dựng theo yêu cầu chuẩn chung.

Khi có sự thay đổi biến động, các đơn vị cung cấp thông tin thông báo cho trung tâm để tiến hành xây dựng chương trình dịch cần thiết.

4.2. Một số vấn đề về chương trình xử lý:

Quá trình xử lý cần xây dựng nhiều chương trình: nhập, kiểm lưu và xuất.

Trong đó quan trọng nhất cần phải xác định được cấu trúc và kiến trúc CSDL để định hướng việc xây dựng chương trình.

Cấu trúc CSDL doanh nghiệp:

CSDL về doanh nghiệp được xây dựng trên nhiều nguồn khác nhau, phản ánh hiện trạng doanh nghiệp với nhiều quan điểm khác nhau. Có thể chia CSDL doanh nghiệp ra làm các thành phần nhằm đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, kiểm tra thông tin đầu vào và kết nối các thành phần dữ liệu mô tả doanh nghiệp; cụ thể gồm:

- CSDL về lý lịch doanh nghiệp (thông tin về cấp phép)
- CSDL về tình hình tài chính doanh nghiệp.
- CSDL về kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong mỗi cơ sở dữ liệu thành phần, có thể có nhiều CSDL nhỏ hơn tương ứng với nguồn thông tin đầu vào.

Kiến trúc CSDL về doanh nghiệp:

Có thể chia làm:

- CSDL chi tiết, đáp ứng các câu truy vấn về thông tin chi tiết của doanh nghiệp.
- CSDL tổng hợp, đáp ứng các câu truy vấn về thông tin tổng hợp, phân tích trong 1 thời kỳ về doanh nghiệp.
- CSDL thống kê, đáp ứng các câu truy vấn tổng hợp, phân tích qua nhiều thời kỳ về doanh nghiệp.

- CSDL dẫn xuất tri thức, đáp ứng các truy vấn thông tin không thể tính toán bình thường bằng cách dùng phép tính thống kê trên tổ hợp các chỉ tiêu.

4.2.1. Qui trình tổng thể:

- Thông tin đầu vào module nhập liệu, kiểm tra tính hợp lệ CSDL thành phần.

- CSDL thành phần module cập nhật, chuyển dạng, kết nối CSDL chi tiết.

- CSDL chi tiết + các bảng danh mục phân lớp module tích hợp CSDL tổng hợp.

- CSDL tổng hợp module tích hợp (theo kỳ) CSDL thống kê.

- CSDL chi tiết + CSDL tổng hợp các module tính toán CSDL dẫn xuất tri thức.

4.2.2. Mô hình xử lý khai thác tổng thể:

Các kết xuất đều có thể cung cấp ra màn hình, giấy, WEB. Lưu trữ trên đĩa.

- CSDL thành phần module khai thác theo Sở Ngành, gồm cả thông tin chi tiết (từ thông tin đầu vào ứng với Sở Ngành), các báo cáo tổng hợp phân tích định kỳ.

- CSDL chi tiết module truy vấn chi tiết doanh nghiệp như gồm cả Lý lịch, tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh.

- CSDL tổng hợp module lập báo cáo tổng hợp, phân tích như phân tích tình hình sản xuất (giá trị tổng sản lượng) của doanh nghiệp chia theo ngành kinh tế quốc dân, chia theo ngành nghề kinh doanh v.v...

- CSDL thống kê module tổng hợp, phân tích (theo thời kỳ, so sánh) tốc độ phát triển của doanh nghiệp chia theo ngành kinh tế quốc dân ...

IX. Một số giải pháp về công tác quản lý doanh nghiệp và thu thập thông tin

1. Chuẩn hóa các khái niệm, các phương pháp tính nhằm phục vụ thông tin đầu ra:

- Nghiên cứu, thiết kế và định nghĩa chính thức các khái niệm nghiệp vụ do Cục Thống kê chủ trì để làm cơ sở cho kiến trúc và cấu trúc CSDL về doanh nghiệp.

- Trực tiếp nghiên cứu các khái niệm, xây dựng cấu trúc CSDL phù hợp với các thông tin đầu vào của Sở Ngành như thông tin về đăng ký kinh doanh, thông tin về hồ sơ thuế.

- Xây dựng chương trình tiếp nhận dữ liệu từ các nguồn thông tin.

- Xây dựng chương trình chuyển đổi từ cấu trúc CSDL (Sở Ngành) vào cấu trúc chung.

- Việc chuẩn hóa các thông tin đầu ra được xây dựng trên nguyên tắc:

. Tôn trọng thông tin đầu ra của từng Sở Ngành; mỗi Sở Ngành chức năng nhiệm vụ về quản lý nhà nước về phạm vi phụ trách.

. Thông tin từ Trung tâm vừa phải đáp ứng các cơ quan lãnh đạo (có tính tổng hợp) vừa đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành (có tính tác nghiệp). Do đó thông tin đầu ra có thể là kết quả tổng hợp của tổng thể (theo cách phân tổ) và cũng có thể là thông tin cá thể từng doanh nghiệp để đáp ứng điều hành.

2. Nguyên tắc thu thập thông tin:

Thông tin đầu vào: Giữ nguyên các CSDL tương ứng của Sở Ngành, cách tính toán, phân loại của Sở Ngành để cung cấp thông tin đầu ra theo định nghĩa và quan điểm chuyên biệt của Sở Ngành đó.

Thông tin đầu ra : Trung tâm dữ liệu xây dựng các chương trình cung cấp thông tin đầu ra theo định nghĩa của Trung tâm, phục vụ yêu cầu và nhu cầu của người dùng tin.

3. Nội dung thông tin thu thập :

- Thông tin về lý lịch: Sở kế hoạch và đầu tư cập nhật khi doanh nghiệp đăng ký, thay đổi, giải thể.

- Thông tin điều kiện kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Cục thuế tỉnh cập nhật các thông tin về tài chính, nộp ngân sách của doanh nghiệp. Cục thống kê cập nhật các thông tin trên từ báo cáo của doanh nghiệp, và từ các cuộc điều tra.

4. Thời gian thu thập :

+ Hàng tháng các đơn vị nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện các chế độ báo cáo theo qui định như đã trình bày ở trên gửi về trung tâm dữ liệu doanh nghiệp qua Cục thống kê, đồng thời thực hiện điều tra chọn mẫu một số doanh nghiệp ngoài nhà nước để tổng hợp các chỉ tiêu báo cáo phục vụ sự Lãnh đạo của các cấp, các ngành. Trung tâm dữ liệu cung cấp các chỉ tiêu tổng hợp chung chia theo ngành và các huyện, thành phố.

+ Hàng năm vào thời điểm 1/3: Thực hiện theo sự phân công thu thập của các cơ quan liên quan, Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp sẽ quản lý thông tin kết quả SXKD từng doanh nghiệp, cung cấp các thông tin chi tiết và tổng hợp phục vụ các cấp lãnh đạo, các ngành và cho các đối tượng sử dụng thông tin.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Việc nghiên cứu xây dựng trung tâm dữ liệu doanh nghiệp của tỉnh Phú yên là cần thiết góp phần quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Phú yên.

Trong hiện tại, ở Phú yên có một số cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thuộc Sở kế hoạch đầu tư, Sở tài chính, Cục thuế và Cục thống kê nhưng qua khảo sát phân tích thấy rằng các cơ sở dữ liệu trên còn bộc lộ nhiều hạn chế nên chưa đáp ứng nhu cầu quản lý các loại hình doanh nghiệp trong công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Trung tâm dữ liệu doanh nghiệp do ban chủ nhiệm đề tài đề xuất vừa khắc phục được những hạn chế tồn tại trên, đồng thời đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn.

2. Kiến nghị

Để sớm xây dựng được trung tâm dữ liệu doanh nghiệp đặt tại Cục thống kê Phú yên, chúng tôi đề nghị:

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn chỉnh đề án xây dựng trung tâm dữ liệu doanh nghiệp và tổ chức triển khai.
- Phải có sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Tỉnh và sự phối kết hợp của các ban ngành, trước hết là Sở kế hoạch đầu tư, Sở tài chính, Cục thuế Tỉnh, Sở công nghiệp và Sở thương mại du lịch tỉnh Phú yên.
- UBND tỉnh Phú yên và ngành Thống kê cần quan tâm hỗ trợ kinh phí, cán bộ, nghiệp vụ và kinh nghiệm để sớm đưa trung tâm dữ liệu vào hoạt động có hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra các năm 2001-2004 của Tổng cục Thống kê.
- Luật Thống kê công bố theo lệnh số 13/2003/L/CTN ngày 26 tháng 6 năm 2003 của chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
- Báo cáo các năm về kết quả điều tra doanh nghiệp của Cục thống kê Phú yên.
- Danh sách doanh nghiệp đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú yên.
- Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp có đóng thuế của Cục thuế tỉnh Phú yên.
- Chế độ báo cáo Thống kê của các doanh nghiệp nhà nước theo quyết định 62/2003/BKH của bộ kế hoạch đầu tư và quyết định số 156/2003/QĐ-TCTK của tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.
- Tài liệu hướng dẫn về phương án và biểu mẫu điều tra các loại hình doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê.
- Visual Foxpro toàn tập của Ông Văn Thông.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	1
Phần thứ nhất: Những vấn đề chung	3
I. Sự cần thiết phải có một trung tâm dữ liệu DN	3
II. Mục tiêu của việc xây dựng trung tâm dữ liệu DN	3
Phần thứ hai: Đánh giá thực trạng thông tin về DN	7
I. Các cơ sở dữ liệu hiện có	7
II. Nội dung thông tin về DN	7
Phần thứ ba: Đề xuất xây dựng trung tâm dữ liệu DN	13
I. Số lượng DN	13
II. Nội dung thông tin về DN	16
III. Vấn đề thu thập (cập nhật) thông tin	16
IV. Thiết lập sơ đồ mạng thông tin	19
V. Thiết lập quy trình xử lý, lưu trữ, khai thác, truyền đưa (cung cấp) thông tin	23
VI. Hiện trạng về cơ sở kỹ thuật tại Cục thống kê	27
VII. Vấn đề trang bị kỹ thuật	29
VIII. Một số vấn đề chuẩn hóa	32
IX. Một số giải pháp về công tác quản lý DN và thu thập thông tin	38
Kết luận và kiến nghị	40